

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN



*Vững bước cùng bạn*

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2022

# MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG.</b>	Trang
1.	Thông tin khái quát.	3
2.	Quá trình hình thành và phát triển.	3
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	6
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	6
5.	Định hướng phát triển.	7
6.	Các rủi ro.	8
<b>II.</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.</b>	
1.	Tình hình hoạt động kinh doanh.	10
2.	Tổ chức và nhân sự.	14
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.	16
4.	Tình hình tài chính	16
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	16
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường	18
<b>III</b>	<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.</b>	
1.	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.	20
2.	Tình hình tài chính.	23
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	27
4.	Kế hoạch phát triển.	27
<b>IV.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.</b>	
1.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.	29
2.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.	30
<b>V.</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY.</b>	
1.	Hội đồng Quản trị.	31
2.	Ủy ban kiểm toán.	34
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc .	38
<b>VI</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH.</b>	
1.	Ý kiến kiểm toán.	49
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán.	50

## **I. THÔNG TIN CHUNG:**

### **1. Thông tin khái quát:**

- Tên Giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300631013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 01/09/2000 và đã đăng ký thay đổi lần thứ 22 vào ngày 17/12/2021.
- Vốn Điều lệ: 112.914.590.000 đồng.
- Địa chỉ trụ sở chính: 146 E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM.
- Số điện thoại: (84.8) 39 979 292 – 39 979 393
- Số Fax: (84.8) 39 979 555
- Website: www.sfc.com.vn.
- Mã cổ phiếu: **SFC**

### **2. Quá trình hình thành và phát triển:**

#### **a. Việc thành lập Công ty:**

Tiền thân là Công ty Chất đốt Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1975 với chức năng nhiệm vụ chính là đảm bảo phân phối các mặt hàng chất đốt trên địa bàn thành phố. Thực hiện chủ trương đổi mới quản lý các doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Chất Đốt TP.HCM được Ủy ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh lựa chọn để thực hiện cổ phần hóa (theo Quyết Định số 4225/QĐ-UB-KT ngày 15/08/1998).

Năm 2000 Công ty Chất Đốt TP.HCM, chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn (viết tắt là SFC), có vốn điều lệ 17 tỷ đồng.

#### **b. Niêm yết:**

Công Ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận cho niêm yết tại Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 21/09/2004 theo Quyết định số 31/GPPH.

### **1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

#### **a. Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh các mặt hàng: xăng, dầu, nhớt, mỡ, dịch vụ rửa, giữ xe các loại; vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu thương mại, xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà ở để bán hoặc cho thuê)
- Cho thuê mặt bằng, cửa hàng, kho bãi, nhà xưởng; cho thuê văn phòng, căn hộ cao cấp;
- Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ; dịch vụ uỷ thác và giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Đại lý bảo hiểm;

– Kinh doanh bất động sản.

**b. Địa bàn kinh doanh:**

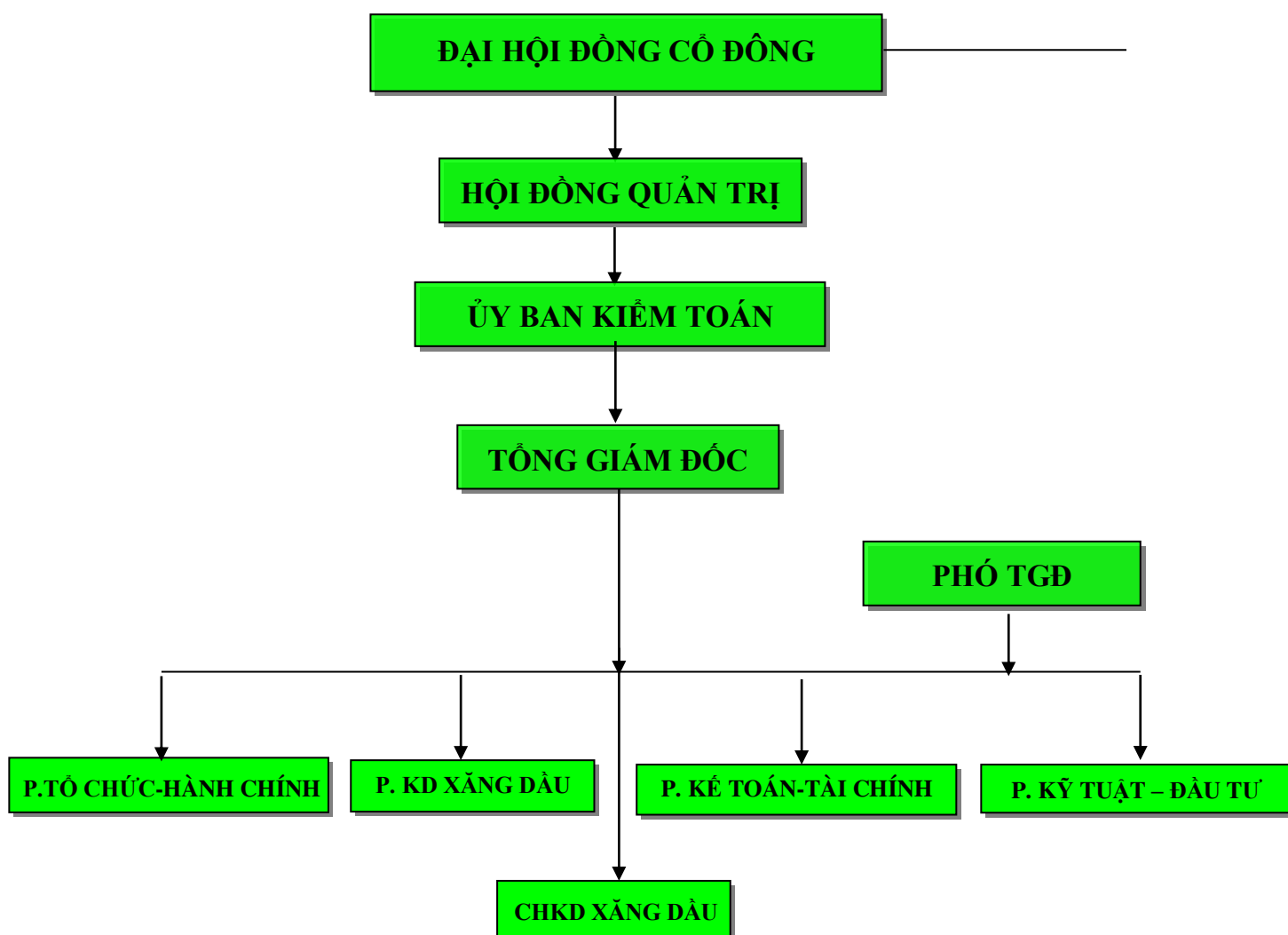
Các Cửa hàng XD, kho bãi, nhà xưởng ... của Công ty nằm rải rác trên các Quận, Huyện thuộc địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

**a. Mô hình quản trị:**

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm 5 thành viên có nhiệm kỳ 5 năm do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công ty giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ;
- Ủy ban kiểm toán ( UBKT) là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có 02 thành viên do HĐQT phân công. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- Tổng Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm có nhiệm kỳ 3 năm.

**b. Sơ đồ tổ chức:**



## 5. Định hướng phát triển:

Năm tài chính 2022 Hội đồng Quản trị đã cùng Ban điều hành phân tích những thuận lợi và khó khăn, những cơ hội, thách thức đối với Công ty để xây dựng định hướng chiến lược cho những năm tiếp theo, nhằm đạt mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty thông qua tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của mình.

- a. **TẦM NHÌN:** Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn - SFC là Công ty phát triển bền vững và hiệu quả, hướng đến mục tiêu trở thành một trong những Công ty kinh doanh bán lẻ xăng dầu hàng đầu tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- b. **SỨ MỆNH:** SFC mang lại sự hài lòng cho khách hàng thông qua sản phẩm và dịch vụ đạt chất lượng cao; cam kết mang lại giá trị cao nhất và sự thịnh vượng cho cổ đông và cán bộ - nhân viên công ty; đồng thời đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.
- c. **GIÁ TRỊ CỐT LÕI:**
  - Tuân thủ: Pháp luật, nội quy và các quy chế, quy định, quy trình,... của Công ty.
  - Trung thực: Với khách hàng, đối tác, Công ty và những người xung quanh.
  - Chuyên nghiệp: Chuyên tâm và tận tâm với công việc để đạt hiệu quả cao nhất.

## 6. Các rủi ro:

### a. **Rủi ro kinh tế:**

Sự phát triển ngành xăng dầu gắn chặt vào sự phát triển nền kinh tế của Nhà nước nói chung và những chính sách kinh tế điều tiết cho ngành nói riêng. Kinh tế phát triển nhanh sẽ làm gia tăng nhu cầu tiêu dùng cá nhân cũng như của cả xã hội và ngược lại

### b. **Rủi ro thị trường:**

Ngành xăng dầu hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nguồn cung cấp xăng dầu của Việt Nam từ sản xuất trong nước và nhập khẩu nên giá xăng dầu sẽ thay đổi theo giá xăng dầu trên thị trường thế giới. Trước tình hình đó, để ổn định và phát triển Công ty đã phát huy những thế mạnh của mình mở rộng kinh doanh, đa dạng hóa các hình thức hoạt động bán hàng, đồng thời tiết kiệm chi phí, không ngừng xây dựng và phát triển thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp nhằm phục vụ khách hàng một cách tốt nhất.

### c. **Rủi ro pháp luật:**

Hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn chịu sự điều chỉnh của các luật, nghị định, thông tư hướng dẫn... liên quan đến công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do đó, rủi ro về việc sửa chữa, thay đổi của các quy định từ các cơ quan quản lý Nhà nước là tất yếu và không thể tránh khỏi.

Ngoài những ảnh hưởng của pháp luật về thị trường chứng khoán, Công ty còn phải chịu rủi ro về pháp luật liên quan tới các chính sách thuế xuất nhập khẩu, đặc biệt là thuế nhập khẩu mặt hàng nhiên liệu xăng dầu và các tiêu chuẩn về xăng dầu do Nhà nước quy định.

Việc thực hiện Nghị định, Thông tư về kinh doanh xăng dầu đã tăng cường tính cạnh tranh, công khai, minh bạch; quản lý chặt chẽ hệ thống phân phối, đảm bảo cung ứng ổn định trong toàn hệ thống,.... HĐQT và Ban điều hành thường xuyên theo dõi, phân tích, dự báo tình hình qua đó lựa chọn và đưa ra những giải pháp kinh doanh phù hợp trong từng thời kỳ giúp Công ty đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất.

#### d. **Rủi ro ngành nghề:**

Ngành nghề chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu, đây là ngành hàng dễ gây cháy, nổ, hỏa hoạn. Do vậy, Công ty luôn tuân thủ các quy định về công tác ATVSLĐ, Phòng chống cháy nổ, PCCC được triển khai và thực hiện nghiêm trong toàn hệ thống. Đồng thời, Công ty thực hiện đào tạo nâng cao kiến thức, thực hành công tác PCCC cho toàn thể CB NV và mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định nhằm hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

#### e. **Rủi ro tài chính:**

Là đơn vị kinh doanh bán lẻ xăng dầu, Công ty thường xuyên bán hàng trả chậm cho một số khách hàng công nghiệp, vận tải đa phần với hình thức tín chấp, vì vậy rủi ro từ việc khách hàng không thực hiện đúng cam kết theo những điều khoản trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính. Để hạn chế tối đa rủi ro này, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời gian nợ một cách cụ thể. Đồng thời, Ban điều hành Công ty thường xuyên theo dõi quản lý công nợ phải thu để đôn đốc thu hồi, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro.

## II. **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**

Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2022 (từ 1/10/2021 đến 30/9/2022). Trong tình hình thị trường xăng dầu thế giới, Việt Nam có nhiều biến động bất thường. Nguồn hàng khan hiếm, giá cả biến động khó lường, chiết khấu thị trường thấp. Trong năm với 17 lần tăng giá, 13 lần giảm giá, nhiều thời điểm chiết khấu chỉ từ 100 đến 300 đ/lít. Những biến động thị trường xăng dầu đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2022 của Công ty SFC. Tuy nhiên tập thể CBNV Công ty đã nỗ lực và quyết tâm vượt qua những khó khăn và sự chỉ đạo hỗ trợ của HĐQT, thử thách để trưởng thành và phát triển bền vững, khẳng định vị thế thương hiệu trên thị trường. Sau hơn 20 năm cổ phần hoá, SFC đã đạt được những thành công nhất định.

*Những chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu của Cty SFC thực hiện trong những năm qua:*

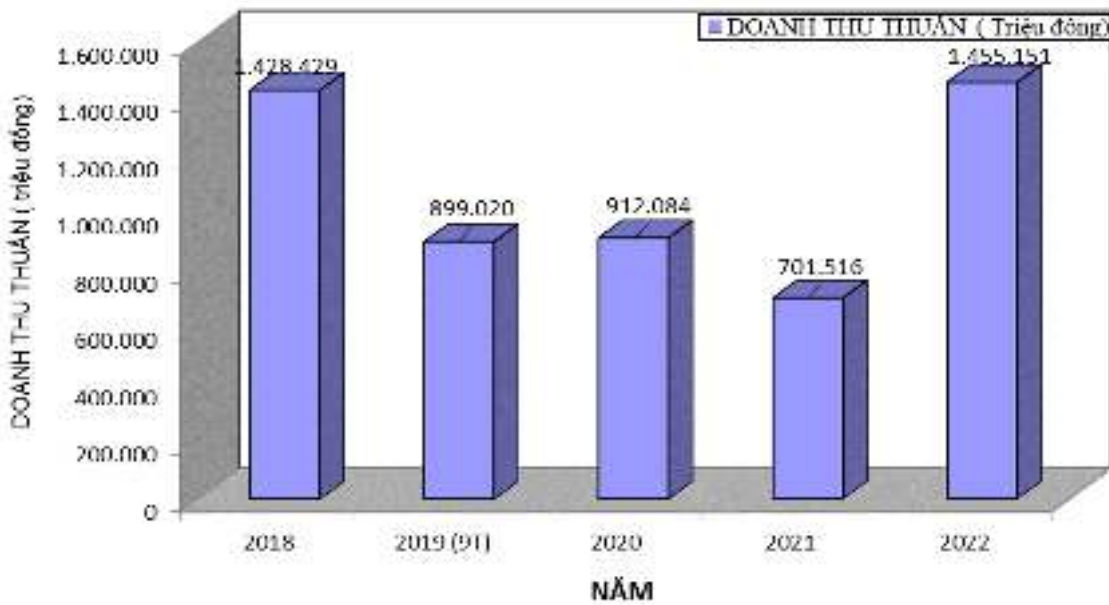
*Dvt: Triệu đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2018</b>	<b>2019 (9T)</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
Doanh thu thuần	1.428.429	899.020	912.084	701.516	1.455.151
Lợi nhuận trước thuế	39.955	30.348	28.559	28.587	25.530
Lợi nhuận sau thuế	31.695	24.165	22.717	22.677	20.271
Tổng tài sản	293.273	351.822	325.201	249.290	232.539

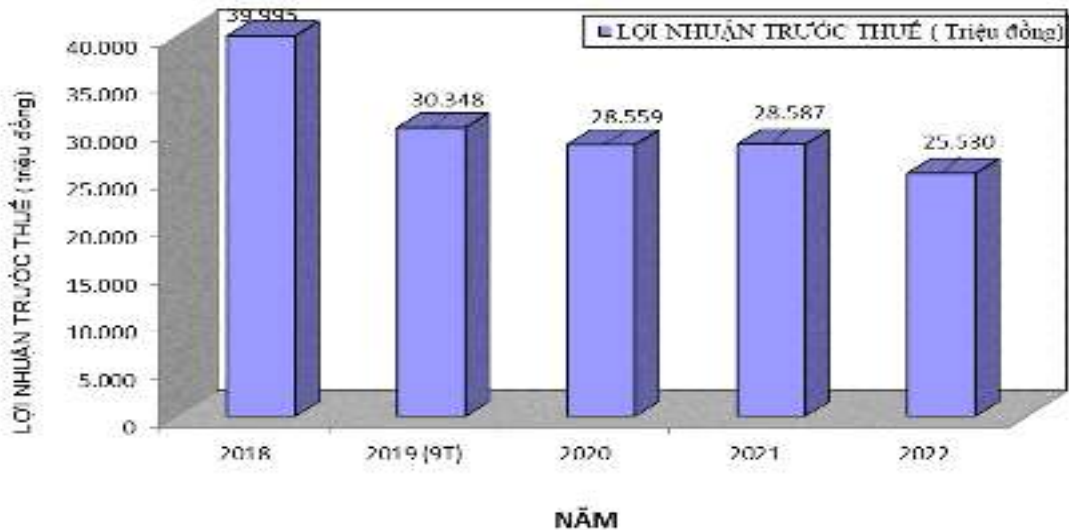
Vốn điều lệ	112.915	112.915	112.915	112.915	112.915
Cổ tức (%)	30%	30%	22%	18%	16%

- Doanh thu thực hiện năm trước tăng hoặc giảm so với năm sau là do giá bán lẻ xăng dầu biến động.
- Tổng lợi nhuận trước thuế trong 5 năm là 152,979 tỷ đồng, bình quân mỗi năm 30,596 tỷ đồng. Năm cao nhất là 39,955 tỷ, năm thấp nhất là 25,530 tỷ.
- Cổ tức 2 năm đầu nhiệm kỳ giữ ổn định, những năm sau cổ tức giảm do tình hình dịch bệnh Covid 19 làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

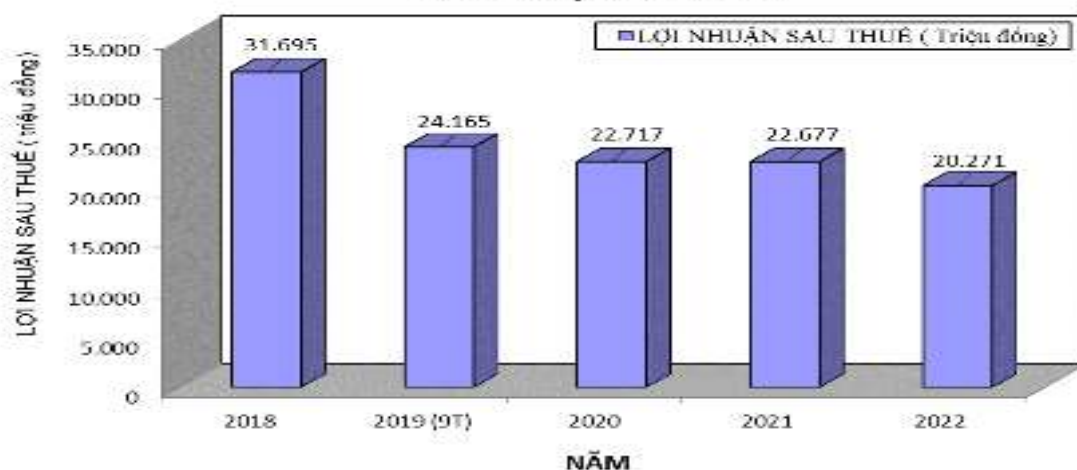
**BIỂU ĐỒ DOANH THU THUẦN CÔNG TY SFC  
GIAI ĐOẠN 2018-2022**



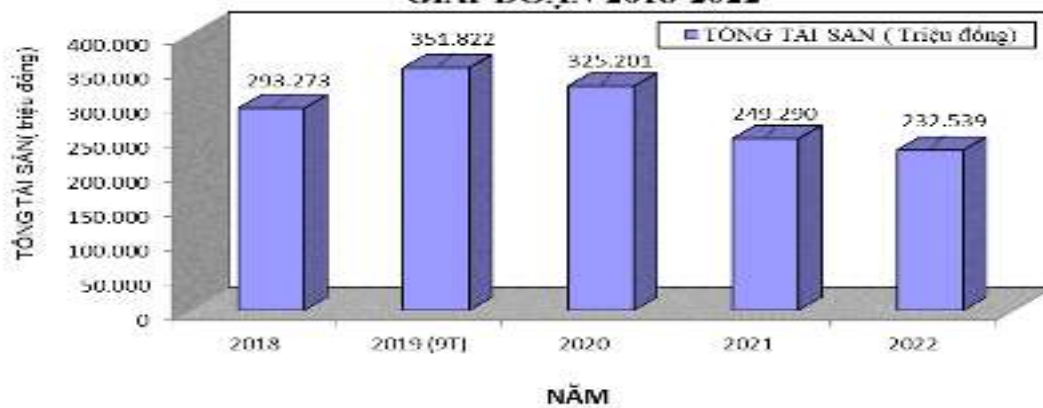
**BIỂU ĐỒ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CÔNG TY SFC  
GIAI ĐOẠN 2018-2022**



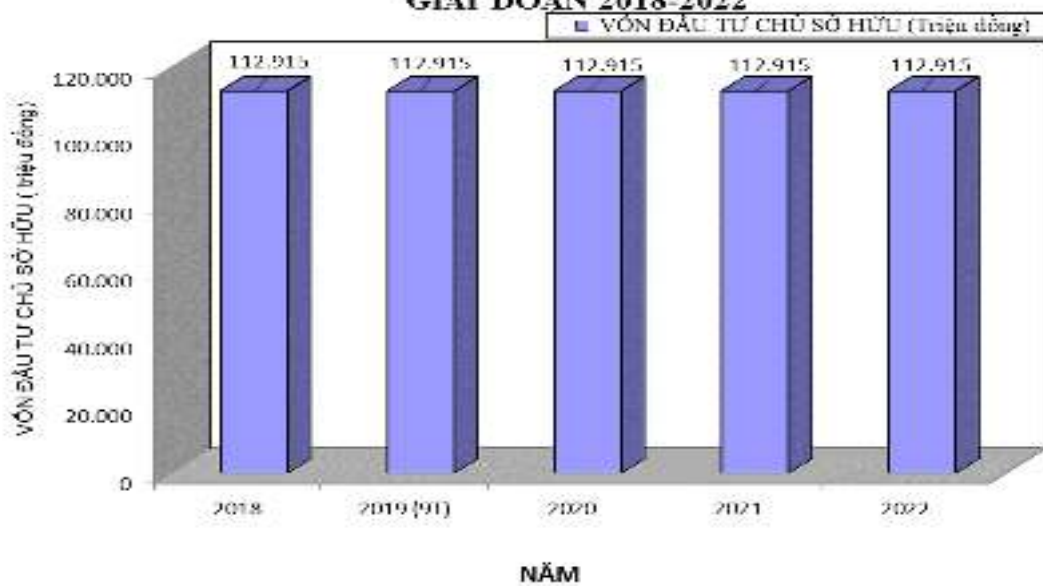
**BIỂU ĐỒ LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÔNG TY SFC  
GIAI ĐOẠN 2018-2022**



**BIỂU ĐỒ TỔNG TÀI SẢN CÔNG TY SFC  
GIAI ĐOẠN 2018-2022**



**BIỂU ĐỒ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY SFC  
GIAI ĐOẠN 2018-2022**





## 2. Tổ chức và nhân sự:

### a. **Danh sách Ban điều hành.**

#### **Ông Phan Ngọc Hùng**

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:
- Ngày bổ nhiệm:
- Ngày miễn nhiệm :

#### **Tổng Giám đốc**

1979  
Thạc sỹ kinh tế  
15/07/2015  
31/12/2020

#### **Ông Trịnh Bá Bộ**

- Năm sinh
- Trình độ chuyên môn
- Ngày bổ nhiệm

#### **Tổng Giám đốc**

1960  
Kỹ sư cơ khí – Cử nhân kinh tế  
01/01/2021

#### **Bà Bùi Hoài Châu**

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:
- Ngày bổ nhiệm

#### **Phó Tổng Giám đốc**

1968  
Cử nhân kinh tế.  
01/03/2016

#### **Bà Phạm Thị Thu Nga**

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:
- Ngày bổ nhiệm

#### **Kế toán trưởng**

1970  
Cử nhân Tài chính Kế toán  
29/03/2019

### b. **Những thay đổi trong Ban Điều hành: Có.**

Ngày 24/12/2020 Hội đồng Quản trị bổ nhiệm ông Trịnh Bá Bộ giữ chức danh Tổng Giám đốc thay thế Ông Phan Ngọc Hùng kể từ ngày 01/01/2021.

### c. **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

#### • **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Số lượng người lao động trong Công ty đến thời điểm ngày 30/09/2022 là 174 người.

#### • **Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:**

Công tác đào tạo luôn được Công ty chú trọng, đặc biệt là những cán bộ trẻ nhằm nâng cao trình độ, chất lượng hiệu quả công việc. Trong năm, Công ty đã tổ chức huấn luyện cho Người lao động về công tác bảo hộ - an toàn lao động, các Bộ luật liên quan và kỹ năng, nghiệp vụ xăng dầu, bảo vệ môi trường, PCCN-CNCH; tổ chức lớp đào tạo bồi dưỡng công tác quản lý cho 21 đối tượng là CHT đương chức và các Trưởng ca giỏi kế thừa của 18 Cửa hàng xăng dầu,... Công ty đã triển khai quy định tiêu chuẩn đối với từng chức danh cụ thể về: trình độ văn hoá, nghiệp vụ chuyên môn, năng lực,... đối với chức danh quản lý và thời gian phấn đấu với mục đích nâng cao năng lực, trình độ quản lý để đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời gian tới.

Công ty thực hiện đúng quy định của Nhà nước về chính sách tiền lương, thưởng cũng như các chế độ phúc lợi xã hội cho nhân viên. Hỗ trợ chăm lo đời sống người lao động đảm bảo thu nhập ổn định.

## 3. **Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:**

- Công ty thuê CHKD xăng dầu Số 25 - Trường Chinh - Quận Tân Phú, thực hiện cải tạo, sửa chữa đưa vào hoạt động từ tháng 7/2022.

- Thực hiện cải tạo, sửa chữa nâng cấp toàn bộ CHKD xăng dầu số 10, hoàn thành và đưa vào hoạt động cuối tháng 8/2022.
- Trong năm Công ty đã thực hiện cải tạo, sửa chữa bố trí mặt bằng bán hàng, văn phòng, hệ thống điện chiếu sáng, tân trang trụ bơm cùng với thay đổi nhận diện dấu hiệu thương mại do Công ty mẹ STS đầu tư tại các cửa hàng số 3, 4,5,6, 8, 9, 10, 13, 17, 19, 21, 25, đã tạo sự khang trang, sạch đẹp tại các cửa hàng, nâng uy tín của SFC đối với người tiêu dùng. Trong tháng 10,11,12/2022 sẽ thực hiện xong các cửa hàng còn lại.
- Công tác sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, kiểm định đo lường, thực hiện theo kế hoạch, đảm bảo yêu cầu bán hàng và an toàn về PCCC, vệ sinh môi trường.

#### 4. Tình hình tài chính

##### a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2021	Năm/Year 2022	% tăng giảm/ % <i>change</i>
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
<b>Tổng giá trị tài sản/Total asset</b>	<b>249.290.884.613</b>	<b>232.539.297.867</b>	<b>93,28%</b>
Doanh thu thuần/Net revenue	701.516.153.328	1.455.093.792.379	207,42%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	28.693.132.718	25.374.819.043	88,44%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	(105.377.419)	155.680.180	-147,55%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	28.587.755.299	25.530.499.223	89,31%
<b>Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax</b>	<b>22.677.773.818</b>	<b>20.271.005.204</b>	<b>89,39%</b>
<b>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio (DOE)</b>	<b>18%</b>	<b>16%</b>	<b>88,89%</b>

"- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2021	Năm/Year 2022	Ghi chú/Note
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</b>			
+ <b>Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:</b> (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) (Short term Asset/Short term debt)	2,27	2,86	lần
+ <b>Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:</b> (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (Short term Asset - Inventories)/Short term Debt	1,95	2,68	lần

<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản ( <i>Debt/Total assets ratio</i> )	27,56%	23,20%	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( <i>Debt/Owners' Equity ratio</i> )	38,05%	30,20%	%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho / <i>Inventory turnover:</i> ( <i>Doanh thu thuần /Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)</i> )	46,72	124,86	vòng
+ <b>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Asset turnover ratio)</b> ( <i>Net revenue/ Average Total Assets</i> )	281,40%	625,74%	%
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	3,23%	1,39%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ Average total capital Ratio</i> )	12,56%	11,35%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Average Total assets Ratio</i> )	9,10%	8,72%	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i> )	4,09%	1,74%	%

### **5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

a. **Cổ phần:** Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay (chốt danh sách cổ đông ngày 15/11/2022): 11.291.459 cổ phiếu - Trong đó có 56.640 cổ phiếu quỹ.

b. **Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 15/11/2022:**

<b>HỌ TÊN / TỔ CHỨC SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN</b>	<b>Số lượng</b>	<b>%/VĐL</b>
<b>I. Cá nhân</b>	<b>2.899.607</b>	<b>25,68%</b>
<i>Trong nước</i>	2.823.230	25,00%
+ Trong đó : CBCNV SFC	13.880	0,12%
<i>Nước ngoài</i>	76.377	0,68%
<b>II. Tổ chức</b>	<b>8.391.852</b>	<b>74,32%</b>
<i>Trong nước</i>	8.375.615	74,17%
+ Trong đó : - STS	5.758.634	50,99%
- Saigon Petro	2.259.708	20,01%
- Khác	357.273	3,17%
<i>Nước ngoài</i>	16.237	0,15%
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.291.459</b>	<b>100,00%</b>

### Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng
1	Công ty CP Dịch Vụ Xăng Dầu Hàng Hải STS	Lầu 3, Số 6 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1	5.758.634	50,99%
2	Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP. HCM	27 Nguyễn Thông, Q.3, TP. HCM	2.259.708	20,01%
3	Lê Trọng Hiếu		1.424.345	12,68%
<b>Tổng cộng</b>			<b>9.442.687</b>	<b>83,68%</b>

#### c. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Tồn đầu kỳ 30/09/2021: 56.640 CP.
- Mua: 0 CP
- Bán: 0 CP
- Tồn cuối kỳ 30/09/2022: 56.640 CP

#### d. Cổ tức:

Thực hiện kế hoạch trả cổ tức năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021 phê chuẩn, Công ty thực hiện như sau:

- Tháng 12/2021 : Công ty đã tạm ứng và thanh toán chi cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 18% trên VDL 112,9 tỷ đồng.
- Với kết quả lợi nhuận tài năm 2022, Hội đồng Quản trị lập tờ trình phân phối lợi nhuận, đề xuất chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt tỷ lệ 16% trên VDL.

#### e. Các chứng khoán khác:

Vốn Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác đến 30/09/2022 là 10.296.000.000 đồng.

- **Cty CP Cà Phê Petec:** Số lượng CP nắm giữ: 29.200 CP, trị giá đầu tư: 296.000.000 đồng; không có cổ tức.
- **Cty CP Đầu tư & Phát triển Gia Định (GDI):** Số lượng CP: 625.000 CP, trị giá đầu tư 10 tỷ đồng; không có cổ tức.

#### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

- Xăng dầu là mặt hàng đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và đời sống của con người. Nhưng trong quá trình phân phối, xăng dầu ít nhiều đã gây ô nhiễm môi trường cũng như ảnh hưởng tới sức khỏe của con người, đây là mặt hàng rất dễ cháy nổ, gây nguy hiểm đến tính mạng và tài sản con người. Vì vậy Công ty đã đề ra những giải pháp nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng về kiểm soát chất thải môi trường làm việc, thực hiện chính sách người lao động và trách nhiệm môi trường đối với cộng đồng theo quy định.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm tài chính 2022 tuy có nhiều khó khăn bất thường về thị trường xăng dầu, giá dầu thế giới có nhiều biến động khó lường đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng với sự nỗ lực, chủ động của lãnh đạo, CBNV trong công tác tổ chức bán hàng, quản lý, đầu tư sửa chữa và đảm bảo an toàn các mặt, cùng với sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT, sự hỗ trợ tích cực của Công ty mẹ STS trong việc đảm bảo nguồn hàng và lãi gộp cao so với thị trường, nên lợi nhuận Công ty SFC đạt được tương đối tốt so với cùng ngành hàng kinh doanh. Qua đó đã tăng uy tín đối với người tiêu dùng, làm cơ sở để SFC phát triển trong những năm tới. Cụ thể như sau:

#### Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm tài chính 2022 ( 12 tháng ):

- **Lợi nhuận trước thuế** thực hiện năm tài chính 2022: **25,530 tỷ đồng** bằng 85 % so kế **hoạch 30,030 tỷ đồng**, bằng 89% cùng kỳ năm trước.
- **Lợi nhuận sau thuế** thực hiện năm tài chính 2022 là : **20,271 tỷ đồng**,
- **Khả năng sinh lời**
  - Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) : **11,29 %**
  - Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA) : **8,41 %**
  - Thu nhập ròng trên một cổ phiếu (EPS) : **1.624 đồng**.

#### **a. Hoạt động Kinh doanh xăng dầu**

- Tổng sản lượng xăng dầu bán 67,942 triệu lít, đạt 87,1% so với kế hoạch 78 triệu lít, bằng 116% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân không đạt kế hoạch do từ cuối năm 2021 và đầu năm 2022 (Quý 1 và 2), nhu cầu tiêu thụ xăng dầu còn thấp do còn ảnh hưởng dịch Covid 19, nghỉ lễ kéo dài Tết dương lịch và âm lịch, Quý 3 và 4 sản lượng bán tăng so với cùng kỳ, từ tháng 4/2022 Công ty SFC đưa sản phẩm mới xăng cao cấp Ron 97-V vào kinh doanh.
- Lãi gộp xăng dầu năm tài chính 2022 là 64,875 tỷ, bình quân 955 đồng/lít.
- Lợi nhuận trước thuế kinh doanh xăng dầu năm tài chính 2022 đạt 16,750 tỷ đồng, đạt 71% so với kế hoạch, chiếm 65,6% tổng lợi nhuận.

#### **b. Hoạt động kinh doanh dầu nhờn:**

- Sản lượng bán dầu nhờn Revotec trong năm tài chính 2022 là 116,2 tấn đạt 73% kế hoạch và bằng 90% so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 1,139 tỷ đồng, đạt 110% so với kế hoạch, chiếm 4,5% tổng lợi nhuận.

#### **c. Khai thác dịch vụ mặt bằng:**

- Công ty đã quản lý và khai thác các mặt bằng: Doanh thu 18,306 tỷ đồng đạt 105% so với kế hoạch và bằng 110% so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 6,069 tỷ đồng, chiếm 23,8% tổng lợi nhuận.

#### **d. Hoạt động tài chính:**

- Trong năm tài chính 2022, Công ty đã quản trị tốt nguồn vốn, cùng với việc đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, khai thác hiệu quả dòng tiền nhân rồi để tăng hiệu quả cho Công ty.
- Lợi nhuận hoạt động tài chính đạt 2,463 tỷ đồng, chiếm 9,6% tổng lợi nhuận.
- Hoạt động đầu tư tài chính: Vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác đến 30/09/2022 là 10.296.000.000 đồng. Cụ thể các khoản đầu tư như sau:
  - + Cty CP Cà Phê Petec: Số lượng CP nắm giữ: 29.200 CP, trị giá đầu tư: 296.000.000 đồng, năm tài chính 2021 công ty không chia cổ tức.
  - + Cty CP Đầu tư & Phát triển Gia Định: Số lượng CP: 625.000 CP, trị giá đầu tư: 10 tỷ đồng, năm tài chính 2021 công ty không chia cổ tức.
- Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đầu tư: 55,480 triệu đồng cho khoản đầu tư cổ phần tại Cty CP Cà Phê Petec.

#### **e. Công tác quản lý:**

Công tác quản lý điều hành được Công ty quan tâm chú trọng nhằm mục đích nâng cao hiệu quả quản trị, đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty cụ thể:

- Công ty tiếp tục ban hành, sửa đổi, hiệu chỉnh các Quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý bán hàng, quản lý tiền hàng, quản lý công nợ, đầu tư xây dựng... và tổ chức kiểm tra, kiểm soát thông qua các phòng chức năng của Công ty, nhằm đảm bảo công tác quản lý hiệu quả, tiết kiệm, tăng cường kỷ cương và giảm thiểu rủi ro.
- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy, luân chuyển các CHT, sắp xếp bố trí nhân sự phù hợp đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công việc, đặc biệt là bộ máy lao động gián tiếp.
- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ, chất lượng hiệu quả công việc.
- Tăng cường quản lý tiết kiệm chi phí theo kế hoạch HĐQT giao.

#### **2. Tình hình tài chính:**

Mã số		TÀI SẢN	Năm nay 30/09/2022	Năm trước 30/09/2021	So sánh	So sánh Tốc độ (+/-)
<b>100</b>	<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>105.953.868.078</b>	<b>118.462.690.724</b>	<b>(12.508.822.646)</b>	<b>-10,56%</b>
<b>110</b>	<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>87.319.518.282</b>	<b>94.148.098.794</b>	<b>(6.828.580.512)</b>	<b>-7,25%</b>
111	1.	Tiền	19.319.518.282	33.148.098.794	(13.828.580.512)	-41,72%
112	2.	Các khoản tương đương tiền	68.000.000.000	61.000.000.000	7.000.000.000	11,48%
<b>120</b>	<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				
<b>130</b>	<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>10.944.589.699</b>	<b>6.904.361.300</b>	<b>4.040.228.399</b>	<b>58,52%</b>
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.131.409.028	6.760.356.944	3.371.052.084	49,87%
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn		110.000.000	(110.000.000)	- 100,00%

136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	813.180.671	371.404.356	441.776.315	118,95%
137	4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(337.400.000)	337.400.000	- 100,00%
<b>140</b>	<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>6.629.775.512</b>	<b>16.677.479.575</b>	<b>(10.047.704.063)</b>	<b>-60,25%</b>
141	1.	Hàng tồn kho	6.629.775.512	16.677.479.575	(10.047.704.063)	-60,25%
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)				
<b>150</b>	<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>1.059.984.585</b>	<b>732.751.055</b>	<b>327.233.530</b>	<b>44,66%</b>
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	1.059.984.585	732.751.055	327.233.530	44,66%
153	2.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			0	
<b>200</b>	<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>126.585.429.789</b>	<b>130.828.193.889</b>	<b>(4.242.764.100)</b>	<b>-3,24%</b>
<b>210</b>	<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>
216	1.	Phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000	-	0,00%
<b>220</b>	<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>80.266.805.133</b>	<b>84.915.227.589</b>	<b>(4.648.422.456)</b>	<b>-5,47%</b>
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	25.811.334.112	27.993.847.288	(2.182.513.176)	-7,80%
222		- Nguyên giá	73.693.302.454	72.054.234.129	1.639.068.325	2,27%
223		- Giá trị hao mòn lũy kế	(47.881.968.342)	(44.060.386.841)	(3.821.581.501)	8,67%
227	2.	Tài sản cố định vô hình	54.455.471.021	56.921.380.301	(2.465.909.280)	-4,33%
228		- Nguyên giá	68.731.740.865	68.731.740.865	-	0,00%
229		- Giá trị hao mòn lũy kế	(14.276.269.844)	(11.810.360.564)	(2.465.909.280)	20,88%
<b>230</b>	<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>31.286.155.838</b>	<b>32.285.063.186</b>	<b>(998.907.348)</b>	<b>-3,09%</b>
231		- Nguyên giá	41.556.799.362	41.556.799.362	-	0,00%
232		- Giá trị hao mòn lũy kế	(10.270.643.524)	(9.271.736.176)	(998.907.348)	10,77%
<b>240</b>	<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>915.900.909</b>	<b>988.520.359</b>	<b>(72.619.450)</b>	<b>-7,35%</b>
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	915.900.909	988.520.359	(72.619.450)	-7,35%
<b>250</b>	<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>6.369.720.000</b>	<b>6.425.200.000</b>	<b>(55.480.000)</b>	<b>-0,86%</b>
253	1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.296.000.000	10.296.000.000	0	0,00%
254	2.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.926.280.000)	(3.870.800.000)	(55.480.000)	1,43%
<b>260</b>	<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>7.741.847.909</b>	<b>6.209.182.755</b>	<b>1.532.665.154</b>	<b>24,68%</b>
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	5.235.073.226	4.165.197.244	1.069.875.982	25,69%
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.506.774.683	2.043.985.511	462.789.172	22,64%
<b>270</b>		<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>232.539.297.867</b>	<b>249.290.884.613</b>	<b>(16.751.586.746)</b>	<b>-6,72%</b>

Tổng Tài Sản đến 30/09/2022 giảm 16,75 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 6,72% so với thời điểm 30/09/2021. Chi tiết như sau :

**a.1 - Tài Sản ngắn hạn:** giảm 12,5 tỷ , tương ứng với tỷ lệ giảm là 10,56 % chủ yếu là do các nhân tố sau :

- **Tiền và các khoản tương đương tiền** giảm 6,8 tỷ tương ứng tỷ lệ giảm là **7,25%** so với thời điểm 30/09/2021, chủ yếu là do giảm tiền gửi ngắn hạn ngân hàng.
- **Các khoản phải thu ngắn hạn** tăng **4,0** tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng **58,52%**.
- **Hàng tồn kho** đến 30/09/2022 giảm **10,0** tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm là **60,25%** so với thời điểm 30/09/2021.

**a.2- Tài sản dài hạn:** giảm **4,243** tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm **3,24%** chủ yếu, cụ thể như sau:

- **Tài sản cố định:** giảm **4,65** tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm là **5,47%** chủ yếu là giảm do khấu hao Tài sản cố định trong kỳ.
- **Bất động sản đầu tư:** giảm **1** tỷ do khấu hao trong kỳ.
- **Tài sản dài hạn khác:** tăng **1,533** tỷ do thanh toán trước tiền thuê Mặt bằng.

Nhìn chung, tại thời điểm 30/09/2022 tổng tài sản giảm **16,75** tỷ tương ứng với tỉ lệ giảm **6,72%** so thời điểm 30/09/2021, chủ yếu giảm hàng tồn kho và tiền gửi ngắn hạn giảm do Công ty sử dụng nguồn tiền tự có để thanh toán cho người bán, các chỉ tiêu tài sản khác biến động không đáng kể.

Mã số		NGUỒN VỐN	Năm nay 30/09/2022	Năm trước 30/09/2021	So sánh	So sánh Tốc độ (+/-)
<b>300</b>	<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>53.938.432.183</b>	<b>68.711.249.413</b>	<b>(14.772.817.230)</b>	<b>-21,50%</b>
<b>310</b>	<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>37.082.949.083</b>	<b>52.237.656.340</b>	<b>(15.154.707.257)</b>	<b>-29,01%</b>
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	5.175.134.097	2.283.081.707	2.892.052.390	126,67%
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	160.643.069	1.014.706.210	(854.063.141)	-84,17%
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.435.449.567	7.913.743.048	5.521.706.519	69,77%
314	4.	Phải trả người lao động	4.241.937.870	2.608.037.853	1.633.900.017	62,65%
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	299.148.747	137.466.931	161.681.816	117,62%
318	6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	195.408.926	178.152.493	17.256.433	
319	7.	Phải trả ngắn hạn khác	13.127.251.635	10.670.857.114	2.456.394.521	23,02%
320	8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		27.248.326.480	(27.248.326.480)	-
322	9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	447.975.172	183.284.504	264.690.668	144,42%
<b>330</b>	<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>16.855.483.100</b>	<b>16.473.593.073</b>	<b>381.890.027</b>	<b>2,32%</b>
337	1.	Phải trả dài hạn khác	5.564.024.100	5.392.614.100	171.410.000	3,18%
342	2.	Dự phòng phải trả dài hạn	11.291.459.000	11.080.978.973	210.480.027	1,90%
<b>400</b>	<b>D.</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>178.600.865.684</b>	<b>180.579.635.200</b>	<b>(1.978.769.516)</b>	<b>-1,10%</b>
<b>410</b>	<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>178.600.865.684</b>	<b>180.579.635.200</b>	<b>(1.978.769.516)</b>	<b>-1,10%</b>
411	1.	Vốn đầu tư chủ sở hữu	112.914.590.000	112.914.590.000	0	0,00%
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần	9.220.495.600	9.220.495.600	0	0,00%
415	3.	Cổ phiếu quỹ	(1.414.603.444)	(1.414.603.444)	0	0,00%
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển	39.398.471.894	39.398.471.894	0	0,00%



421	5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.481.911.634	20.460.681.150	(1.978.769.516)	-9,67%
<b>440</b>		<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>232.539.297.867</b>	<b>249.290.884.613</b>	<b>(16.751.586.746)</b>	<b>-6,72%</b>

### Phân tích Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Tổng nợ phải trả đến thời điểm 30/09/2022 giảm 14,77 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 21,5% so với cùng thời điểm 30/09/2021 chi tiết như sau :

**b.1 - Nợ ngắn hạn:** Giảm 15,15 tỷ, tương ứng với tỷ lệ giảm là 29,01 % cụ thể như sau:

- **Các khoản phải trả người bán :** tăng 2,9 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 126,67% so với thời điểm 30/09/2021.
- **Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:** tăng 5,5 tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng 69,77% chủ yếu là tăng nộp thuế bảo vệ môi trường do sản lượng bán ra tăng so với cùng kỳ 2021.
- **Nợ vay ngắn hạn:** giảm 27,25 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 100% so với thời điểm 2021 do lãi suất tăng giảm nợ vay Ngân Hàng.
- **Quỹ khen thưởng phúc lợi ,các khoản phải trả ngắn hạn khác, trả người lao động** tăng hơn 4,5 tỷ so với thời điểm cuối năm 2021

**b.2 - Nợ dài hạn năm 2022:** tăng 382 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 2,32% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do trong năm Công ty đã trích thêm dự phòng Quỹ rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo thông tư 86/206/TT/BTC ban hành ngày 20/6/2016.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

- **Tập trung xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý** giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty được tiến hành bài bản, chính quy, an toàn và hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, nhắc nhở các đơn vị nghiêm túc thực hiện các quy trình, quy định, hướng dẫn... nhằm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.
- **Theo dõi sát tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh:** định kỳ hàng tuần, hàng tháng các đơn vị báo cáo xem xét, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, qua đó kịp thời đưa ra những biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch.
- **Tổ chức kiểm tra kiểm soát chất lượng xăng dầu** trong toàn bộ hệ thống phân phối của mình từ khâu giao nhận, vận chuyển và hoạt động kinh doanh trên thị trường, nhằm bảo đảm chất lượng xăng dầu tốt nhất đến tay người tiêu dùng.
- **Công tác kiểm soát chi phí:** HĐQT giám sát việc thực hiện chi phí công ty thông qua việc giao định mức chi phí cho hoạt động kinh doanh, đảm bảo tiết kiệm, hợp lý nhưng vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 4. Kế hoạch phát triển:

Năm tài chính 2023, Hội đồng Quản trị đã cùng Ban điều hành phân tích những thuận lợi và khó khăn, những cơ hội, thách thức đối với Công ty để xây dựng định hướng chiến lược cho những năm tiếp theo, nhằm đạt mục tiêu phát triển lâu dài Công ty thông qua tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của mình.

**a. Kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2023 :**

- **Tổng lợi nhuận trước thuế :** **27,835 tỷ đồng .**
- **Tỷ lệ Cổ tức dự kiến:** **12 % trên vốn điều lệ.**

**b. Các Biện pháp thực hiện**

- Cung cấp hàng hoá xăng dầu đúng về chất lượng, đủ về số lượng, minh bạch rõ ràng đảm bảo thực hiện đúng theo các quy định của Nhà nước. Chú trọng công tác chăm sóc tốt các khách hàng hiện hữu, phát triển thêm nhiều khách hàng mới bằng nhiều chính sách bán hàng linh hoạt phù hợp với tình hình thị trường.

- Ứng dụng đầu tư công nghệ trong trong hoạt động chung của Công ty, đặc biệt là trong công tác quản lý, công tác bán hàng nhằm tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động, đồng thời mang đến cho khách hàng tiện ích mới, tối ưu góp phần tăng tính cạnh tranh và hình ảnh Công ty.

- Tập trung đẩy mạnh bán dầu nhờn Revotec thông qua mạng lưới kinh doanh tại 18 Cửa hàng xăng dầu, đẩy mạnh bán dầu nhờn cho các khách hàng vận tải, nhà máy, khu công nghiệp, công trình... Công ty xây dựng và triển khai chương trình trực tiếp giới thiệu và bán sản phẩm dầu nhờn đến các khách hàng.

- Tổ chức ca bán hàng với số lượng lao động hợp lý, bố trí giờ bán hàng phù hợp và chú trọng tăng cường lao động bán hàng vào giờ cao điểm để phục vụ tốt khách hàng.

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa các Cửa hàng Kinh doanh xăng dầu khang trang, sạch đẹp phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh thực tế tại Cửa hàng xăng dầu; đầu tư các thiết bị công nghệ mới cho hệ thống bán lẻ xăng dầu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng sản lượng bán ra.

Tận dụng, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất hiện có để tăng doanh thu mảng dịch vụ mặt bằng của Công ty. Tuy nhiên phải đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật.

- Xây dựng bổ sung và sửa đổi để ban hành các quy chế, quy định, quy trình phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị; Thực hiện và giám sát một cách triệt để các quy trình quy định của Công ty, đảm bảo tuyệt đối về công tác an toàn PCCC, chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. Đảm bảo tất cả các hoạt động của Công ty phải được giám sát, kiểm tra tuân thủ đúng, đủ các quy trình, quy định của Công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước; phát huy vai trò kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn các đơn vị thực hiện của các phòng chức năng Công ty;

- Sắp xếp bộ máy tổ chức hoạt động Công ty tinh gọn, đảm bảo sự phù hợp, hiệu quả trong quản lý. Chú trọng công tác tuyển dụng, tổ chức đào tạo bồi dưỡng cho Cán bộ lãnh đạo, nhân viên nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng bán hàng... và mục tiêu cuối cùng là đảm bảo việc quản trị công ty một cách hiệu quả, quản lý và phục vụ khách hàng một cách tốt nhất;

- Hội đồng Quản trị thực hiện cơ chế giao chi phí hoạt động cho Công ty, đảm bảo việc kiểm soát chi phí đúng, đủ, phù hợp và tạo cơ chế chủ động cho Ban điều hành Công ty.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

##### 1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện họp định kỳ hàng quý để xây dựng định hướng phát triển và hoạch định chiến lược, giao các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính cho Ban điều hành. Trong những phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành Công ty. Hội đồng Quản trị đã xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty để kịp thời đưa ra những quyết định, chỉ đạo Tổng Giám Đốc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch, triển khai thực hiện các dự án và giải quyết các báo cáo, tờ trình, kiến nghị của Ban điều hành cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Thực hiện trả cổ tức năm tài chính 2021 bằng tiền mặt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên là 18 % trên VDL. Thực hiện tạm ứng cổ tức năm tài chính 2022 bằng tiền mặt tỷ lệ 16% trên VDL.
- Trong năm tài chính 2022, do tình hình kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Công ty đã đạt được kết quả nhất định, đảm bảo an toàn các mặt, chấp hành tốt các quy định của nhà nước và các nghị quyết của HĐQT.

##### 2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:

- Hội đồng Quản trị chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua các Nghị quyết; đồng thời phân công một số thành viên trực tiếp làm việc, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc để giải quyết những vướng mắc, khó khăn.
- Định kỳ, Hội đồng Quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo tình hình quản lý, quản trị và điều hành Công ty, những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh và chỉ đạo các công việc liên quan đến thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đều tuân thủ theo pháp luật, điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty.

##### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:

- Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp do ảnh hưởng địa chính trị sẽ ảnh hưởng đến tình hình kinh tế trong nước. Thị trường xăng dầu Thế giới và Việt Nam có nhiều biến động khó lường.
- Từ những tác động trên, dự báo cho rằng năm tài chính 2023 kinh tế tiếp tục khó khăn, do đó kế hoạch kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa trên những đánh giá nhằm đảm bảo sự an toàn, ổn định và phát triển bền vững.
- Tập trung phát triển kinh doanh xăng dầu, phát triển các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.
- Đánh giá, điều chỉnh bổ sung những chính sách phát triển kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế để thu hút khách hàng.
- Đầu tư khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật để gia tăng lợi thế cạnh tranh.
- Tiếp tục công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực luôn đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty, đáp ứng nhu cầu thay thế và bổ sung cán bộ. Tiếp tục xây dựng đội ngũ bán hàng với phong cách phục vụ chuyên nghiệp, ứng xử văn minh lịch sự.
- Gia tăng lợi ích cho người lao động, Cổ đông và lợi ích cho cộng đồng.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng Quản trị:

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:

- Tại đại hội cổ đông thường niên 2017 và nhiệm kỳ V (2018-2022) được tổ chức vào ngày 30/3/2018. Đã bầu Hội đồng Quản trị bao gồm 5 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập cụ thể như sau:

#### **Ông Lê Trọng Hiếu**

#### **Chủ tịch**

- Năm sinh: 1968
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Phan Ngọc Hùng**

#### **Ủy viên thường trực**

- Năm sinh: 1979
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

#### **Ông Phạm Trần Hiền**

#### **Thành viên**

- Năm sinh: 1965
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Bùi Ngọc Thạch Anh**

#### **Thành viên độc lập**

- Năm sinh: 1991
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Thương Mại Năng Lượng và Tài Chính

#### **Ông Nguyễn Văn Khoa**

#### **Thành viên độc lập**

- Năm sinh: 1962
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

#### b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

##### **Các cuộc họp của HĐQT:**

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện họp định kỳ hàng quý để xây dựng định hướng phát triển, và hoạch định chiến lược, giao các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính cho Ban điều hành. Trong năm tài chính 2022, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 10 cuộc họp thường kỳ, đồng thời ban hành 16 nghị quyết với nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong những phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ủy ban Kiểm toán, Ban Điều hành Công ty. Hội đồng Quản trị đã xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty để kịp thời đưa ra những quyết định và chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch được giao, triển khai thực hiện các dự án và giải quyết các báo cáo, tờ trình, kiến nghị của Ban điều hành cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Hội đồng Quản trị thực hiện đầy đủ chức năng theo quy định Điều lệ và làm tốt công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực triển khai công việc, có kết luận cụ thể về các định hướng hành động và điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển an toàn, hiệu quả.

- Thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch theo đúng thông tư, nghị định, quy định của các cơ quan ban ngành về công bố thông tin định kỳ, bất thường, các báo cáo tài chính hàng quý,

giữa niên độ và năm. Báo cáo tài chính kiểm toán, báo cáo thường niên được công bố trên trang website của Công ty.

- Thực hiện chi trả cổ tức năm tài chính 2021 bằng tiền theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên là 18 % trên VĐL. Thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 16% trên VĐL.

**Nội dung chính của các cuộc họp Hội đồng Quản trị:**

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung Nghị quyết
1	08/2021/NQ-NLSG	27/10/2021	- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và tạm ứng cổ tức năm tài chính 2021.
2	09/2021/NQ-NLSG	27/10/2021	- Trích bổ sung quỹ tiền lương tháng 13 cho CBCN và quyết toán tiền lương TGD.
3	10/2021/NQ-NLSG	27/10/2021	- Giao các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2022.
4	11/2021/NQ-NLSG	27/10/2021	- Sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý Tài chính – Đầu tư
5	01/2022 NQ-NLSG	12/01/2022	Nội dung cơ bản các điều khoản ký hợp đồng mua xăng dầu năm 2022.
6	02/2022 NQ-NLSG	12/01/2022	- Trích bổ sung quỹ tiền lương kế hoạch năm tài chính 2022.
7	03/2022/NQ-NLSG	15/03/2022	- Điều chỉnh mức chiết khấu với Công ty Cổ Phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng Hải STS (Công ty STS) giảm giá so với giá bán lẻ tại thời điểm mua xăng dầu đảm bảo tối thiểu bằng chi phí hoạt động theo kế hoạch của Công ty  - Thời gian điều chỉnh: Áp dụng từ ngày 15/3/2022.
8	04/2022/NQ-NLSG	15/03/2022	- Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.
9	05/2022/NQ-NLSG	15/03/2022	- Phê duyệt chủ trương đầu tư cải tạo, sửa chữa CHXD số 10 với tổng giá trị đầu tư sau thuế là: <b>3.697.795.802 đồng</b> (Ba tỷ, sáu trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn, tám trăm lẻ hai đồng chẵn).
10	06/2022/NQ-NLSG	22/03/2022	- Điều chỉnh mức chiết khấu với Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí TP Hồ Chí Minh (Công ty SP) năm 2022 giảm giá so với giá bán lẻ đối với nguồn hàng xăng Ron 92-E5 (Nhiên liệu sinh học) tại thời điểm mua xăng dầu đảm bảo tối thiểu bằng chi phí hoạt động theo kế hoạch của Công ty

			- Thời gian điều chỉnh: Áp dụng từ ngày 22/3/2022.
11	07/2022/NQ-NLSG	01/04/2022	- Tổ chức kinh doanh mặt hàng xăng RON 97-IV tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc Công ty. - Thời gian thực hiện: Từ ngày 06/4/2022.
12	08/2022/NQ-NLSG	08/04/2022	- Thông qua tờ trình số 57/TT-NLSG của Tổng Giám đốc Công ty về nội dung thuê Cửa hàng xăng dầu Mai Thanh Sơn tại địa chỉ số 599, đường Trường Chinh, P. Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.HCM.
13	09/2022/NQ-NLSG	26/04/2022	a-/ Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm tài chính 2022: b-/ Đầu tư trang trí nhận diện hệ thống cửa hàng kinh doanh xăng dầu thuộc Công ty SFC theo maket của Công ty STS, kinh phí do Công ty STS tài trợ.
14	10/2022/NQ-NLSG	03/06/2022	Ủy quyền cho Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh thay mặt Công ty SFC làm việc với Công ty Đô Thành theo nội dung Nghị quyết số 04/2021/NQ-NLSG của HĐQT ký ngày 13/04/2021.
15	11/2022/NQ-NLSG	27/07/2022	- Vay vốn NH Vietcombank, số tiền <b>50.000.000.000 đồng</b> ( <i>Năm mươi tỷ đồng chẵn</i> ).
16	12/2022/NQ-NLSG	27/07/2022	- Tiền lương bình quân kế hoạch tăng 8% tương đương 11.5 đồng/lít. - Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/07/2022.

c. **Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy Ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo quản trị Công ty:** là 5/6 người.

## 2. Ủy Ban kiểm toán:

### a. Thành viên và cơ cấu của Ủy Ban Kiểm toán:

- Tại đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2019 – 2020 được tổ chức vào ngày 18/12/2020, ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội Đồng Quản trị - Ủy Ban kiểm toán.
- Tổng Giám Đốc.

- Ngày 24/12/2020 Hội Đồng Quản Trị đã thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội Đồng Quản trị Công ty gồm 01 Chủ tịch và 01 Thành viên. HĐQT phân công Ông Nguyễn Văn Khoa làm Chủ Tịch và quyết định chọn Ông Phan Ngọc Hùng là thành viên UBKT.

### b. Hoạt động của Ủy Ban kiểm toán:

- Trong năm tài chính 2022, Ủy Ban kiểm toán đã thực hiện các công việc trọng tâm sau đây:
- Kiểm tra và giám sát thực hiện theo các nội dung mà nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua

- Thu thập thông tin, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác giám sát, phân tích Báo cáo tài chính định kỳ, đảm bảo tính kịp thời và có chất lượng.
- Thực hiện thẩm định, phân tích, đánh giá về tình hình, kết quả kinh doanh và công tác quản trị doanh nghiệp theo định kỳ.
- Tham gia rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình quản lý, ... về quản trị nội bộ Công ty.
- Tham gia ý kiến trong việc tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2022
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động về quản lý tài sản, quản lý việc sử dụng vốn trong kinh doanh và thực thi các quy định đúng theo Nội quy Công ty và quy định quản lý của luật pháp.
- Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán năm tài chính 2022, về việc bảo quản tài sản của Công ty.
- Kiểm tra số liệu về hoạt động cho thuê mặt bằng bến bãi của Công ty.
- Kiểm tra việc báo cáo tình hình công nợ tại các đơn vị;
- Kiểm tra tiền hàng tại các cửa hàng xăng dầu định kỳ. Báo cáo và kiến nghị Ban điều hành trong việc thực hiện và quản lý tiền hàng.
- Giám sát tình hình ký kết các hợp đồng mua bán hàng với các đơn vị có quyền lợi liên quan.
- Thực hiện các công việc có liên quan khác của Công ty.
- Ủy Ban Kiểm Toán ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của BTGD cũng như các bộ phận quản lý của Công ty. Đồng thời Ủy Ban kiểm toán cũng không nhận được kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của BTGD trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Năm tài chính 2022, UBKT cũng đã thực hiện một số công việc khác như sau:

- Định kỳ hàng quý thông báo tình hình kinh doanh, tài chính, các hoạt động đầu tư, hoạt động khác của Công ty phát sinh trong quý và xây dựng chương trình công tác của Ủy Ban kiểm toán trong quý sau.
- Tham dự các cuộc họp định kỳ, đột xuất của HĐQT; tham gia ý kiến trực tiếp về việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các quy chế của Công ty có liên quan trong hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và BTGD.
- Công tác kiểm tra, giám sát của Ủy Ban kiểm toán được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời các hoạt động của Công ty để giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Kiểm tra việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm tài chính 2022 đưa ra các kiến nghị Ban điều hành trong việc tuân thủ các qui định của Bộ tài chính về các chính sách tài chính, thuế trong hoạt động kinh doanh, đề nghị khắc phục những sai sót.
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động về quản lý tài sản, quản lý việc sử dụng vốn trong kinh doanh và thực thi các quy định đúng theo nội quy Công ty và quy định quản lý của luật pháp.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm tài chính 2022.
- Xem xét báo cáo soát xét và báo cáo kiểm toán năm tài chính 2022.

### **3. Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị Quyết ĐHDCĐ thường niên năm tài chính 2021:**

**Về cổ tức năm 2021:** Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 20.222.674.200 đồng (tương ứng 18%/VĐL) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/2021/NQ-NLSG ngày 24/12/2021.

**Về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:**

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm tài chính 2022 đạt **25.530 tỷ đồng** bằng 85% so kế hoạch **30.030 tỷ đồng**, **giảm 3,057 tỷ (tỷ lệ tăng 5,6%)** so với kế hoạch.  
Thù lao HĐQT là 768.060.000 đồng, mức chi bằng 85% so với kế hoạch 903.600.000 đồng.
- Được sự ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2021, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 04/2022/NQ-NLSG ngày 15/03/2022 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam và giám sát tình hình tài chính của Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn trong năm tài chính 2022 như sau:

**a. Về Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2022 : (đơn vị tính: đồng)**

TÀI SẢN	MÃ	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM	TĂNG/ GIẢM	TỶ LỆ(%)
1	2	3	4	5=3-4	6=3/4
<b>TÀI SẢN</b>					
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>105.953.868.078</b>	<b>118.462.690.724</b>	<b>(12.508.822.646)</b>	<b>89,4%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	87.319.518.282	94.148.098.794	(6.828.580.512)	92,7%
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	10.944.589.699	6.904.361.300	4.040.228.399	158,5%
Hàng tồn kho	140	6.629.775.512	16.677.479.575	(10.047.704.063)	39,8%
Tài sản ngắn hạn khác	150	1.059.984.585	732.751.055	327.233.530	144,7%
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>126.585.429.789</b>	<b>130.828.193.889</b>	<b>(4.242.764.100)</b>	<b>96,8%</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210	5.000.000	5.000.000	-	100,0%
Tài sản cố định	220	80.266.805.133	84.915.227.589	(4.648.422.456)	94,5%
Bất động sản đầu tư	230	31.286.155.838	32.285.063.186	(998.907.348)	96,9%
Tài sản dở dang dài hạn	240	915.900.909	988.520.359	(72.619.450)	92,7%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6.369.720.000	6.425.200.000	(55.480.000)	99,1%
Tài sản dài hạn khác	260	7.741.847.909	6.209.182.755	1.532.665.154	124,7%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>232.539.297.867</b>	<b>249.290.884.613</b>	<b>(16.751.586.746)</b>	<b>93,3%</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>					
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>53.938.432.183</b>	<b>68.711.249.413</b>	<b>(14.772.817.230)</b>	<b>78,5%</b>
Nợ ngắn hạn	310	37.082.949.083	52.237.656.340	(15.154.707.257)	71,0%
Nợ dài hạn	330	16.855.483.100	16.473.593.073	381.890.027	102,3%
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>178.600.865.684</b>	<b>180.579.635.200</b>	<b>(1.978.769.516)</b>	<b>98,9%</b>
Vốn chủ sở hữu	410	178.600.865.684	180.579.635.200	(1.978.769.516)	98,9%
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	112.914.590.000	112.914.590.000	-	100,0%
- Thặng dư vốn cổ phần	412	9.220.495.600	9.220.495.600	-	100,0%
- Cổ phiếu quỹ	415	(1.414.603.444)	(1.414.603.444)	-	100,0%
- Quỹ đầu tư phát triển	418	39.398.471.894	39.398.471.894	-	100,0%
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18.481.911.634	20.460.681.150	(1.978.769.516)	90,3%
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>232.539.297.867</b>	<b>249.290.884.613</b>	<b>(16.751.586.746)</b>	<b>93,3%</b>

**b. Về báo cáo kết quả kinh doanh năm tài chính 2022 (đơn vị tính: đồng)**

Chỉ tiêu	Từ 01/10/2021	Từ 01/10/2020	Tăng/ giảm	Tỷ lệ
----------	---------------	---------------	------------	-------



	đến 30/09/2022	đến 30/09/2021		(%)
1	3	2	4=3-2	5=3/2
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1,455,151,864,832</b>	<b>701,585,545,876</b>	<b>753,566,318,956</b>	<b>207.4%</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	58,072,453	69,392,548	(11,320,095)	83.7%
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1,455,093,792,379</b>	<b>701,516,153,328</b>	<b>753,577,639,051</b>	<b>207.4%</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>1,370,622,446,740</b>	<b>615,992,251,170</b>	<b>754,630,195,570</b>	<b>222.5%</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>84,471,345,639</b>	<b>85,523,902,158</b>	<b>(1,052,556,519)</b>	<b>98.8%</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	4,221,440,549	4,574,845,673	(353,405,124)	92.3%
Chi phí tài chính	<b>1,813,298,434</b>	<b>1,780,253,943</b>	<b>33,044,491</b>	<b>101.9%</b>
<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	<i>1,757,818,434</i>	<i>1,847,413,943</i>	<i>(89,595,509)</i>	<i>95.2%</i>
Chi phí bán hàng	49,195,905,911	46,727,877,633	2,468,028,278	105.3%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,308,762,800	12,897,483,537	(588,720,737)	95.4%
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>25,374,819,043</b>	<b>28,693,132,718</b>	<b>(3,318,313,675)</b>	<b>88.4%</b>
Thu nhập khác	332,083,965	51,388,929	280,695,036	646.2%
Chi phí khác	176,403,785	156,766,348	19,637,437	112.5%
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>155,680,180</b>	<b>(105,377,419)</b>	<b>261,057,599</b>	<b>-147.7%</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>25,530,499,223</b>	<b>28,587,755,299</b>	<b>(3,057,256,076)</b>	<b>89.3%</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5,722,283,191	6,372,770,654	(650,487,463)	89.8%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(462,789,172)	(462,789,173)		100.0%
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>20,271,005,204</b>	<b>22,677,773,818</b>	<b>(2,406,768,614)</b>	<b>89.4%</b>

#### **4. Nhận xét và kết luận chung về Báo cáo tài chính năm tài chính 2022:**

- Báo cáo tài chính năm 2022 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn và được trình bày theo đúng qui định của Bộ tài chính. Việc sắp xếp, lưu trữ gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát.
- Báo cáo tài chính năm tài chính 2022 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/09/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý hiện hành. Sổ sách, chứng từ, báo cáo tài chính rõ ràng, số liệu chính xác, kịp thời. Công tác quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ chặt chẽ, thực hiện theo đúng qui định. Công tác kê khai và nộp thuế đầy đủ không để xảy ra các vi phạm.
- Về việc công bố thông tin: Công ty đã thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin định kỳ trên Sở Giao Dịch chứng khoán TP HCM theo đúng qui định của Bộ tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

## **5. Kết quả giám sát đối với thành viên Ban Tổng Giám đốc**

- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty qui định; đã tổ chức quản lý và điều hành Công ty đạt 85% chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm tài chính 2022 và Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2021.
- Trong năm tài chính 2022 định kỳ Ban Tổng Giám đốc đều tổ chức họp giao ban mở rộng với các trưởng đơn vị trực thuộc. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT và Đại hội cổ đông đều được trình theo đúng phân cấp quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

## **6. Nhận xét đánh giá sự phối hợp giữa Ủy Ban Kiểm toán với Ban Tổng Giám đốc:**

- Ủy Ban Kiểm toán được cung cấp tài liệu đầy đủ và mời tham dự các cuộc họp định kỳ do Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chủ trì để giám sát và tham gia ý kiến các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Công ty. Đồng thời Ủy Ban kiểm toán cũng thường xuyên phản hồi đến HĐQT và Ban Tổng Giám đốc về kết quả kiểm tra, hoạt động của mình và đề nghị các cấp quản lý có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, tuân thủ các qui định pháp lý, điều lệ, quy chế của Công ty.
- Nhìn chung những ý kiến đóng góp và phản hồi của Ủy Ban Kiểm toán với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý về hoạt động kinh doanh, đầu tư tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản đều được trao đổi thẳng thắn, công khai.

## **7. Kiến nghị của Ủy Ban kiểm toán :**

Ủy Ban kiểm toán đề nghị Hội Đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính 2023 cần tập trung một số công việc sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh tại các cửa hàng xăng dầu về công tác bán hàng, công nợ, phòng chống cháy nổ...
- Tổ chức lập kế hoạch và giao kế hoạch cho các phòng ban và các cửa hàng xăng dầu nhằm nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.
- Nâng cao ý thức người lao động trong việc bán hàng nhằm tạo niềm tin người tiêu dùng đối với thương hiệu của Công ty.
- Nâng cao ý thức người lao động về công tác phòng chống cháy nổ nhằm bảo quản tốt tài sản, hàng hóa của Công ty, tránh những sự cố đáng tiếc xảy ra.

## **8. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích: của thành viên HĐQT và BTGD:**

**a/ Thù lao của HĐQT (bao gồm thuế thu nhập cá nhân): 768.060.000 đồng/năm**

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 17.000.000 đồng/tháng.
- Ủy viên thường trực Hội đồng Quản trị: 13.005.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng Quản trị: 10.200.000 đồng/tháng.

**b/ Tiền lương của Tổng Giám Đốc: 695.047.900 đồng/năm**

**c/ Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Trọng Hiều	Chủ tịch HĐQT	1.424.345	12,68%	1.424.345	12,68%	

#### **d/ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

1-/ Giao dịch giữa công ty với các công ty mà thành viên HĐQT, thành viên UBKT, TGD đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, TGD điều hành trong thời gian **ba năm trở lại đây**.

- Ngày 05/01/2021 Hội đồng Quản trị biểu quyết thông qua việc ký hợp đồng mua dầu nhờn Revotec với Công ty Cổ phần Dầu Nhờn STS và Ký hợp đồng bán xăng dầu với Công ty Cổ phần Dầu Nhờn STS để thực hiện chương trình khuyến mãi.

- Ngày 12/01/2022 Hội đồng Quản trị biểu quyết thông qua việc ký hợp đồng mua xăng dầu như sau:

- Công ty SFC ký hợp đồng mua xăng dầu với Công ty Cổ phần Xăng Dầu và Dịch Vụ Hàng Hải STS (Công ty Mẹ).

- Đối với nguồn hàng xăng Ron 92-E5 (Nhiên liệu sinh học), Công ty SFC ký hợp đồng mua xăng Ron 92-E5 với Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố Hồ Chí Minh và thực hiện mua hàng khi chiết khấu bán hàng so với giá bán lẻ bằng, hoặc cao hơn mức chiết khấu quy định của nghị quyết này. Đồng thời cân đối phương tiện vận tải đảm bảo hiệu quả, các nội dung khác của hợp đồng mua hàng phải đúng theo Nghị quyết này.

2-/ Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên UBKT, TGD điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: không có.

3-/ Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên UBKT, Tổng Giám đốc điều hành: không có.

#### **e/ Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty :**

- Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ năm 2000 trở thành Công ty đại chúng, từ năm 2004 cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh. Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập và tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

- Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Ban điều hành luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong ngành bán lẻ xăng dầu, đội ngũ quản trị Công ty luôn nỗ lực, hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 39

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022.

### 1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước (là Công ty Chất đốt Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 70/2000/QĐ/TTg ngày 20 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0300631013, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 112.914.590.000 VND  
(Một trăm mười hai tỷ chín trăm mười bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND

Tổng số cổ phần: 11.291.459 cổ phần

Mã chứng khoán: SFC

Sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 39 979 292
- Fax : (028) 39 979 555
- Website : www.sfc.com.vn
- Email : info@sfc.com.vn

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ kinh doanh nhớt phế thải);
- Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ bán buôn nhớt phế thải);
- Kinh doanh nhà, cho thuê nhà xưởng, cho thuê căn phòng, căn hộ cao cấp, cho thuê mặt bằng, cửa hàng; kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) (không hoạt động tại trụ sở).

### 2. Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm</u>
Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch	30/03/2018
Ông Phan Ngọc Hùng	Ủy viên thường trực	30/03/2018
Ông Bùi Ngọc Thạch Anh	Thành viên	30/03/2018
Ông Phạm Trần Hiền	Thành viên	30/03/2018
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	30/03/2018

#### Ủy ban kiểm toán

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Khoa	Chủ tịch	01/01/2021
Ông Phan Ngọc Hùng	Thành viên	01/01/2021

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm</u>
Ông Trịnh Bá Bộ	Tổng Giám đốc	01/01/2021
Bà Bùi Hoài Châu	Phó Tổng Giám đốc	01/03/2016

### Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Phạm Thị Thu Nga	Kế toán trưởng	29/03/2019

### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trịnh Bá Bộ	Tổng Giám đốc	01/01/2021

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Công ty.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRỊNH BÁ BỢ  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2022





Số: 091/2022/BCKT-HCM.01162

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 11 năm 2022, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**BUI TUYẾT VÂN**  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0071-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2022

**NGUYỄN NGỌC THỦY DUNG**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2782-2019-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 9 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2022 VND	01/10/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>105.953.868.078</b>	<b>118.462.690.724</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>87.319.518.282</b>	<b>94.148.098.794</b>
Tiền	111		19.319.518.282	33.148.098.794
Các khoản tương đương tiền	112		68.000.000.000	61.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10.944.589.699</b>	<b>6.904.361.300</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	10.131.409.028	6.760.356.944
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	110.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3.1	813.180.671	371.404.356
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	-	(337.400.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.5	<b>6.629.775.512</b>	<b>16.677.479.575</b>
Hàng tồn kho	141		6.629.775.512	16.677.479.575
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.059.984.585</b>	<b>732.751.055</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	1.059.984.585	732.751.055
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>126.585.429.789</b>	<b>130.828.193.889</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.3.2	5.000.000	5.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>80.266.805.133</b>	<b>84.915.227.589</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	25.811.334.112	27.993.847.288
Nguyên giá	222		73.693.302.454	72.054.234.129
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.881.968.342)	(44.060.386.841)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	54.455.471.021	56.921.380.301
Nguyên giá	228		68.731.740.865	68.731.740.865
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.276.269.844)	(11.810.360.564)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.9	<b>31.286.155.838</b>	<b>32.285.063.186</b>
Nguyên giá	231		41.556.799.362	41.556.799.362
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.270.643.524)	(9.271.736.176)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>915.900.909</b>	<b>988.520.359</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	915.900.909	988.520.359
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.11	<b>6.369.720.000</b>	<b>6.425.200.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.296.000.000	10.296.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.926.280.000)	(3.870.800.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.741.847.909</b>	<b>6.209.182.755</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	5.235.073.226	4.165.197.244
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	2.506.774.683	2.043.985.511
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>232.539.297.867</b>	<b>249.290.884.613</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 9 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2022 VND	01/10/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>53.938.432.183</b>	<b>68.711.249.413</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.082.949.083</b>	<b>52.237.656.340</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	5.175.134.097	2.283.081.707
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	160.643.069	1.014.706.210
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	13.435.449.567	7.913.743.048
Phải trả người lao động	314	5.16	4.241.937.870	2.608.037.853
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	299.148.747	137.466.931
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	195.408.926	178.152.493
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19.1	13.127.251.635	10.670.857.114
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	27.248.326.480
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.20	447.975.172	183.284.504
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.855.483.100</b>	<b>16.473.593.073</b>
Phải trả dài hạn khác	337	5.19.2	5.564.024.100	5.392.614.100
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.21	11.291.459.000	11.080.978.973
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>178.600.865.684</b>	<b>180.579.635.200</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.22	<b>178.600.865.684</b>	<b>180.579.635.200</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		112.914.590.000	112.914.590.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		112.914.590.000	112.914.590.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		9.220.495.600	9.220.495.600
Cổ phiếu quỹ	415		(1.414.603.444)	(1.414.603.444)
Quỹ đầu tư phát triển	418		39.398.471.894	39.398.471.894
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.481.911.634	20.460.681.150
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		238.006.950	50.684.714
LNST chưa phân phối năm nay	421b		18.243.904.684	20.409.996.436
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>232.539.297.867</b>	<b>249.290.884.613</b>

**TRẦN THỊ NGỌC TÚ**  
Người lập biểu

**PHẠM THỊ THU NGÀ**  
Kế toán trưởng



**TRỊNH BÁ BỘ**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>1.455.151.864.832</b>	<b>701.585.545.876</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		58.072.453	69.392.548
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>6.1.1</b>	<b>1.455.093.792.379</b>	<b>701.516.153.328</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.2</b>	<b>1.370.622.446.740</b>	<b>615.992.251.170</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>84.471.345.639</b>	<b>85.523.902.158</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.221.440.549	4.574.845.673
Chi phí tài chính	22	6.4	1.813.298.434	1.780.253.943
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		1.757.818.434	1.847.413.943
Chi phí bán hàng	25	6.5	49.195.905.911	46.727.877.633
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	12.308.762.800	12.897.483.537
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>25.374.819.043</b>	<b>28.693.132.718</b>
Thu nhập khác	31	6.7	332.083.965	51.388.929
Chi phí khác	32	6.8	176.403.785	156.766.348
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>155.680.180</b>	<b>(105.377.419)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>25.530.499.223</b>	<b>28.587.755.299</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	5.722.283.191	6.372.770.654
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.9	(462.789.172)	(462.789.173)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>20.271.005.204</b>	<b>22.677.773.818</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10.1	1.624	1.817

**TRẦN THỊ NGỌC TÚ**  
Người lập biểu

**PHẠM THỊ THU NGA**  
Kế toán trưởng



**TRỊNH BÁ BỘ**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		25.530.499.223	28.587.755.299
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02	5.7; 5.8; 5.9	8.139.165.854	8.285.885.105
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		(71.439.973)	1.300.363.765
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	6.3; 6.8	(4.084.747.863)	(4.532.797.053)
Chi phí lãi vay	06	6.4	1.757.818.434	1.847.413.943
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>31.271.295.675</b>	<b>35.488.621.059</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(3.216.735.249)	660.956.101
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		10.047.704.063	(3.325.226.791)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		11.500.885.854	(41.472.368.928)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(1.397.109.512)	(4.045.188.822)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.770.293.940)	(1.897.134.198)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.15	(5.862.029.684)	(7.692.624.114)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.20	169.106.400	206.685.600
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	5.20	(1.931.516.252)	(3.681.548.983)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>38.811.307.355</b>	<b>(25.757.829.076)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.912.552.123)	(534.234.217)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		7.272.727	23.181.818
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.735.347.399	4.823.034.711
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.830.068.003</b>	<b>4.311.982.312</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	594.010.151.200	687.911.430.440
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(621.258.477.680)	(716.896.615.078)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.221.629.390)	(24.715.324.810)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(47.469.955.870)</b>	<b>(53.700.509.448)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ</b>				
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ</b>	<b>60</b>	5.1	<b>94.148.098.794</b>	<b>169.294.455.006</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ</b>	<b>70</b>	5.1	<b>87.319.518.282</b>	<b>94.148.098.794</b>

TRẦN THỊ NGỌC TÚ  
Người lập biểu

PHẠM THỊ THU NGA  
Kế toán trưởng



TRỊNH BÁ BỘ  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2022

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0300631013, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 112.914.590.000 VND  
(Một trăm mười hai tỷ chín trăm mười bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng)  
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND  
Tổng số cổ phần: 11.291.459 cổ phần  
Mã chứng khoán: SFC  
Sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ kinh doanh nhớt phế thải);
- Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ bán buôn nhớt phế thải);
- Kinh doanh nhà, cho thuê nhà xưởng, cho thuê căn phòng, căn hộ cao cấp, cho thuê mặt bằng, cửa hàng; kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) (không hoạt động tại trụ sở).

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

#### 1.5 Cấu trúc Công ty

**Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 20	387A Lê Văn Khương, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 10	784 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 21	Lô V1, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Xã Tân Nhựt, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 24	64 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
5. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 17	401 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
6. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 5	234 Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
7. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 13	118 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
8. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 11	186 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
9. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 19	247 Lê Quang Định, Phường 1, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
10. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 6	9 Bis Trần Nãi, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
11. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 12	912 Võ Văn Kiệt, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
12. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 8	135 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
13. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 4	167 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
14. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 16	260A Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
15. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 3	16A Quốc lộ 22, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
16. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 18	A21 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
17. Chi nhánh Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 9	52 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
18. Chi nhánh Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng Dầu nhờn 825	825 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
19. Chi nhánh Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng bán nhớt và rửa xe	118 Hậu Giang, Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
20. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng bán nhớt và rửa xe	1438 Phạm Thế Hiển, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh
21. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Nhà hàng Mười Tám	18 Nguyễn Huy Tự, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
22. Kho xăng dầu 30/4	26 Chuyên Dung 9, Phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

Tên đơn vị	Địa chỉ
23. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng kinh doanh dầu nhớt 103	103 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
24. Cửa hàng kinh doanh Gas (LPG)	263 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh
25. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng kinh doanh dầu nhớt 406	406 Lê Văn Sỹ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
26. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng kinh doanh xăng dầu 456	456 Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
27. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng kinh doanh dầu nhớt 263	263 Ngô Quyền, Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
28. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng kinh doanh dầu nhớt 138	138B Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
29. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng kinh doanh dầu nhớt 89	M5 Lê Hoàng Phái, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
30. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng kinh doanh dầu nhớt 67	67 Phú Thọ, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
31. Địa điểm kinh doanh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng xăng dầu số 25	599 Trường Chinh, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

### 1.6 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 177 người (tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 là 184 người).

### 1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi thì Công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho của xăng, dầu, nhờn được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho của bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

#### **Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê mặt bằng, chi phí sửa chữa và chi phí khác đã phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

#### **Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 07 năm đến 10 năm.

Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 50
Máy móc, thiết bị	03 – 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### **Chương trình phần mềm**

Giá mua của chương trình phần mềm mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

### 4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất	48 – 50
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 – 50

### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

### 4.12 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả dài hạn là Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính, thời điểm trích lập quỹ là thời điểm cuối năm tài chính.

### 4.13 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### 4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ, cho thuê mặt bằng***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.16 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

### 4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 4.20 Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuận của nợ phải trả tài chính.

##### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

##### **Bên liên quan**

Công ty cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S  
Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh  
Công ty cổ phần Dầu nhờn S.T.S  
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

##### **Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Bên liên quan của Hàng hải S.T.S  
Thành viên chủ chốt



**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2022 VND	01/10/2021 VND
Tiền mặt tại quỹ – VND	4.709.169.513	2.317.420.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	14.610.348.769	30.830.678.294
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng – VND	68.000.000.000	61.000.000.000
	<b>87.319.518.282</b>	<b>94.148.098.794</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/09/2022 VND	01/10/2021 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	24.810.940	21.470.290
Công ty cổ phần Dầu nhờn S.T.S	4.694.700	6.066.380
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH MTV Vận tải Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Vạn Thiên Phát	544.976.700	84.866.920
Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại Vận tải Du lịch Hoàng Phát	481.056.180	292.138.020
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Phương Thịnh	407.170.460	184.275.070
Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm & Bánh kẹo Phạm Nguyễn	389.253.270	304.218.180
Các khách hàng khác	8.279.446.778	5.867.322.084
	<b>10.131.409.028</b>	<b>6.760.356.944</b>

**5.3 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.3.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Giá trị VND	30/09/2022 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/10/2021 Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</b>				
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	590.493.151	-	104.400.001	-
Tạm ứng cho nhân viên	43.089.070	-	101.034.616	-
Kỳ quỹ ngắn hạn	7.000.000	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	172.598.450	-	165.969.739	-
	<b>813.180.671</b>	<b>-</b>	<b>371.404.356</b>	<b>-</b>

**5.3.2 Phải thu dài hạn khác**

	Giá trị VND	30/09/2022 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/10/2021 Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</b>				
Đặt cọc dài hạn	5.000.000	-	5.000.000	-
	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

**5.4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	30/09/2022	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	01/10/2021
			Dự phòng đã trích lập VND			Dự phòng đã trích lập VND
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>						
• Công ty cổ phần Đầu tư Nhật Nam Á		-	-	Trên 3 năm	331.400.000	(331.400.000)
• Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Tây Phương		-	-	Trên 3 năm	6.000.000	(6.000.000)
		-	-		<b>337.400.000</b>	<b>(337.400.000)</b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Số dư đầu năm	337.400.000	399.264.000
Hoàn nhập trong năm	-	(61.864.000)
Xóa nợ	(337.400.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>337.400.000</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

	Giá gốc VND	30/09/2022 Dự phòng VND	Giá gốc VND	01/10/2021 Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	50.959.239	-	59.071.839	-
Công cụ, dụng cụ	9.531.995	-	16.972.995	-
Hàng hóa	6.569.284.278	-	16.601.434.741	-
	<b>6.629.775.512</b>	<b>-</b>	<b>16.677.479.575</b>	<b>-</b>

**5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/09/2022 VND	01/10/2021 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	48.077.135	6.709.086
Chi phí thuê mặt bằng	636.000.000	550.000.000
Chi phí sửa chữa	211.512.921	49.316.669
Chi phí khác	164.394.529	126.725.300
	<b>1.059.984.585</b>	<b>732.751.055</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022.

**5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/09/2022 VND	01/10/2021 VND
Chi phí thuê mặt bằng	3.597.000.000	3.390.000.000
Chi phí sửa chữa	1.244.324.763	498.503.606
Chi phí công cụ, dụng cụ	347.433.463	179.415.807
Chi phí khác	46.315.000	97.277.831
	<b>5.235.073.226</b>	<b>4.165.197.244</b>

**5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/10/2021	41.239.265.146	22.592.884.580	2.341.945.454	5.880.138.949	72.054.234.129
Tăng trong năm	2.294.799.463	341.002.000	-	-	2.635.801.463
Thanh lý	(851.187.683)	(145.545.455)	-	-	(996.733.138)
Tại ngày 30/09/2022	<b>42.682.876.926</b>	<b>22.788.341.125</b>	<b>2.341.945.454</b>	<b>5.880.138.949</b>	<b>73.693.302.454</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/10/2021	20.340.889.596	17.975.515.745	1.647.216.581	4.096.764.919	44.060.386.841
Khấu hao trong năm	2.089.254.461	1.739.568.186	247.909.467	597.617.112	4.674.349.226
Thanh lý	(707.222.270)	(145.545.455)	-	-	(852.767.725)
Tại ngày 30/09/2022	<b>21.722.921.787</b>	<b>19.569.538.476</b>	<b>1.895.126.048</b>	<b>4.694.382.031</b>	<b>47.881.968.342</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/10/2021	20.898.375.550	4.617.368.835	694.728.873	1.783.374.030	27.993.847.288
Tại ngày 30/09/2022	<b>20.959.955.139</b>	<b>3.218.802.649</b>	<b>446.819.406</b>	<b>1.185.756.918</b>	<b>25.811.334.112</b>
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>					
Tại ngày 01/10/2021	5.926.033.253	5.657.958.449	-	531.824.709	12.115.816.411
Tại ngày 30/09/2022	<b>6.765.493.902</b>	<b>4.684.339.137</b>	<b>940.454.545</b>	<b>1.290.363.858</b>	<b>13.680.651.442</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/10/2021	67.316.740.865	1.415.000.000	68.731.740.865
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/09/2022	<b>67.316.740.865</b>	<b>1.415.000.000</b>	<b>68.731.740.865</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/10/2021	10.917.597.929	892.762.635	11.810.360.564
Hao mòn trong năm	2.323.557.828	142.351.452	2.465.909.280
Tại ngày 30/09/2022	<b>13.241.155.757</b>	<b>1.035.114.087</b>	<b>14.276.269.844</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/10/2021	56.399.142.936	522.237.365	56.921.380.301
Tại ngày 30/09/2022	<b>54.075.585.108</b>	<b>379.885.913</b>	<b>54.455.471.021</b>

(\*) Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 764-93, tờ bản đồ số 21, Lô V1, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian sử dụng đến ngày 09/11/2047.

- Quyền sử dụng đất tại 1A Phạm Ngọc Thạch, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian sử dụng đến ngày 01/01/2046.

**5.9 Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/10/2021	17.313.043.291	24.243.756.071	41.556.799.362
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/09/2022	<b>17.313.043.291</b>	<b>24.243.756.071</b>	<b>41.556.799.362</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/10/2021	3.649.548.907	5.622.187.269	9.271.736.176
Khấu hao trong năm	351.262.152	647.645.196	998.907.348
Tại ngày 30/09/2022	<b>4.000.811.059</b>	<b>6.269.832.465</b>	<b>10.270.643.524</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/10/2021	13.663.494.384	18.621.568.802	32.285.063.186
Tại ngày 30/09/2022	<b>13.312.232.232</b>	<b>17.973.923.606</b>	<b>31.286.155.838</b>

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê:

Tại ngày 01/10/2021	-	280.884.000	280.884.000
Tại ngày 30/09/2022	-	<b>280.884.000</b>	<b>280.884.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

**Bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 như sau:

	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Công trình siêu thị Co.opmart Bình Triệu Quyền sử dụng đất tại 525 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	23.962.872.071	5.988.948.465	17.973.923.606
Quyền sử dụng đất tại 31 Nguyễn An Khương, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	9.332.018.107	2.257.510.820	7.074.507.287
	8.261.909.184	2.024.184.239	6.237.724.945
	<b>41.556.799.362</b>	<b>10.270.643.524</b>	<b>31.286.155.838</b>

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 01/10/2021 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tài sản cố định VND	Kết chuyển giảm khác VND	Tại ngày 30/09/2022 VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>					
- Công trình 1A Phạm Ngọc Thạch	915.900.909	-	-	-	915.900.909
- Các công trình khác	72.619.450	2.392.533.463	(2.392.533.463)	(72.619.450)	-
	<b>988.520.359</b>	<b>2.392.533.463</b>	<b>(2.392.533.463)</b>	<b>(72.619.450)</b>	<b>915.900.909</b>

**5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Giá gốc VND	Dự phòng VND	30/09/2022 Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	01/10/2021 Giá trị hợp lý VND
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	10.000.000.000	(3.750.000.000)	(*)	10.000.000.000	(3.750.000.000)	(*)
Công ty cổ phần cà phê Petec	296.000.000	(176.280.000)	119.720.000	296.000.000	(120.800.000)	175.200.000
	<b>10.296.000.000</b>	<b>(3.926.280.000)</b>		<b>10.296.000.000</b>	<b>(3.870.800.000)</b>	

**Giá trị hợp lý:**

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)**

Tình hình góp vốn vào đơn vị khác:

Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận		Tại ngày 30/09/2022	
		VND	Số cổ phần	Số cổ phần Công ty đang nắm giữ	Tỷ lệ %
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	Kinh doanh bất động sản	378.700.000.000	37.870.000	625.000	1,65
Công ty cổ phần cà phê Petec	Mua bán cà phê, nông lâm	30.000.000.000	3.000.000	29.200	0,97

**Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Số dư đầu năm	3.870.800.000	3.937.960.000
Dự phòng/ (hoàn nhập) trong năm	55.480.000	(67.160.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.926.280.000</b>	<b>3.870.800.000</b>

**5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	01/10/2021 VND	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm VND	30/09/2022 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ</i>			
Chi phí khấu hao quyền sử dụng đất tại 1A Phạm Ngọc Thạch	2.043.985.511	462.789.172	2.506.774.683
	<b>2.043.985.511</b>	<b>462.789.172</b>	<b>2.506.774.683</b>

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/09/2022		01/10/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>				
Công ty cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	2.359.045.000	2.359.045.000	2.006.350.000	2.006.350.000
Công ty cổ phần Dầu nhờn S.T.S	689.440.000	689.440.000	-	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>				
Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu Số 1	932.067.000	932.067.000	127.396.500	127.396.500
Các nhà cung cấp khác	1.194.582.097	1.194.582.097	149.335.207	149.335.207
	<b>5.175.134.097</b>	<b>5.175.134.097</b>	<b>2.283.081.707</b>	<b>2.283.081.707</b>

**5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/09/2022 VND	01/10/2021 VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Công ty cổ phần Xây dựng đê kè và Phát triển nông nghiệp Hải Dương	76.445.781	23.130.840
Công ty TNHH Lalamove Vietnam	51.482.400	-
Liên hiệp HTX Thương mại TP. Hồ Chí Minh (Sài Gòn Co.op)	-	894.224.000
Các khách hàng khác	32.714.888	97.351.370
	<b>160.643.069</b>	<b>1.014.706.210</b>

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/10/2021		Số phát sinh trong năm		30/09/2022
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	197.893.771	23.855.962.113	(21.615.386.228)		2.438.469.656
Thuế thu nhập doanh nghiệp	267.134.152	5.722.283.191	(5.862.029.684)		127.387.659
Thuế thu nhập cá nhân	9.784.433	475.558.805	(470.846.646)		14.496.592
Thuế bảo vệ môi trường	3.152.818.000	158.987.800.750	(155.983.403.100)		6.157.215.650
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.286.112.692	10.741.649.598	(10.329.882.280)		4.697.880.010
Các loại thuế khác	-	34.000.000	(34.000.000)		-
<b>Cộng</b>	<b>7.913.743.048</b>	<b>199.817.254.457</b>	<b>(194.295.547.938)</b>		<b>13.435.449.567</b>

**Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")**

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho hàng hóa tiêu thụ trong nước là 10%, kinh doanh dịch vụ là 8% - 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được ước tính như sau:

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.530.499.223	28.587.755.299
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Chi phí không được trừ	766.970.866	962.152.107
Chênh lệch tạm thời của chi phí khấu hao tài sản cố định	2.313.945.864	2.313.945.864
Thu nhập tính thuế	<b>28.611.415.953</b>	<b>31.863.853.270</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.722.283.191</b>	<b>6.372.770.654</b>

**Thuế bảo vệ môi trường**

Công ty nộp thuế bảo vệ môi trường với các mức thuế như sau:

- Xăng, trừ etanol	Từ 01/10/2021 đến 31/03/2022	4.000 VND/ lít
	Từ 01/04/2022 đến 10/07/2022	2.000 VND/ lít
	Từ 11/07/2022 đến 30/09/2022	1.000 VND/ lít
- Dầu diesel	Từ 01/10/2021 đến 31/03/2022	2.000 VND/ lít
	Từ 01/04/2022 đến 10/07/2022	1.000 VND/ lít
	Từ 11/07/2022 đến 30/09/2022	500 VND/ lít

**Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế

**5.16 Phải trả người lao động**

	30/09/2022 VND	01/10/2021 VND
Tiền lương phải trả	4.109.577.870	2.559.587.853
Tiền cơm	132.360.000	48.450.000
	<u>4.241.937.870</u>	<u>2.608.037.853</u>

**5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/09/2022 VND	01/10/2021 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lãi vay	-	12.475.506
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	299.148.747	124.991.425
	<u>299.148.747</u>	<u>137.466.931</u>

**5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	30/09/2022 VND	01/10/2021 VND
Doanh thu cho thuê mặt bằng	195.408.926	178.152.493
	<u>195.408.926</u>	<u>178.152.493</u>

**5.19 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/09/2022 VND	01/10/2021 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Đô Thành – hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	11.258.678.522	9.577.148.631
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.046.695.600	651.895.600
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	632.566.368	305.679.815
Cổ tức phải trả	12.388.240	11.343.430
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	176.922.905	124.789.638
	<u>13.127.251.635</u>	<u>10.670.857.114</u>



**5.19.2 Phải trả dài hạn khác**

	30/09/2022 VND	01/10/2021 VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
• Liên hiệp HTX Thương mại TP. Hồ Chí Minh (Sài Gòn Co.op)	2.361.824.100	2.361.824.100
• Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Đô Thành (*)	1.500.000.000	1.500.000.000
• Các đối tượng khác	1.702.200.000	1.530.790.000
	<b>5.564.024.100</b>	<b>5.392.614.100</b>

(\*) Khoản phải trả của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2013/HĐHTKD-SFC&DOTHANHREAL ngày 09 tháng 7 năm 2013 giữa Công ty và Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Đô Thành. Hai bên chưa thống nhất để hoàn tất các thủ tục pháp lý có liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh này; khoản tiền hàng năm nhận được từ Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Đô Thành, Công ty chưa ghi nhận doanh thu hợp đồng hợp tác kinh doanh, đã tạm nộp thuế GTGT và thuế TNDN trên số tiền doanh thu nhận được.

**5.20 Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	01/10/2021 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Tăng khác VND	Chi quỹ trong năm VND	30/09/2022 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	183.284.504	2.027.100.520	169.106.400	(1.931.516.252)	447.975.172
	<b>183.284.504</b>	<b>2.027.100.520</b>	<b>169.106.400</b>	<b>(1.931.516.252)</b>	<b>447.975.172</b>

**5.21 Dự phòng phải trả dài hạn**

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	11.080.978.973	9.651.591.208
Số dư đầu năm	210.480.027	1.429.387.765
Dự phòng trong năm	11.291.459.000	11.080.978.973
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.291.459.000</b>	<b>11.080.978.973</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

### 5.22 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

#### 5.22.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/10/2020	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	24.767.286.514	184.886.240.564
Lãi trong năm	-	-	-	-	22.677.773.818	22.677.773.818
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.267.777.382)	(2.267.777.382)
Chia cổ tức năm 2019-2020	-	-	-	-	(24.716.601.800)	(24.716.601.800)
<b>Tại ngày 30/09/2021</b>	<b>112.914.590.000</b>	<b>9.220.495.600</b>	<b>(1.414.603.444)</b>	<b>39.398.471.894</b>	<b>20.460.681.150</b>	<b>180.579.635.200</b>
Tại ngày 01/10/2021	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	20.460.681.150	180.579.635.200
Lãi trong năm	-	-	-	-	20.271.005.204	20.271.005.204
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.027.100.520)	(2.027.100.520)
Chia cổ tức năm 2020-2021	-	-	-	-	(20.222.674.200)	(20.222.674.200)
<b>Tại ngày 30/09/2022</b>	<b>112.914.590.000</b>	<b>9.220.495.600</b>	<b>(1.414.603.444)</b>	<b>39.398.471.894</b>	<b>18.481.911.634</b>	<b>178.600.865.684</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

**5.22.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0300631013 đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp:

Vốn điều lệ: 112.914.590.000 VND  
(Một trăm mười hai tỷ chín trăm mười bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng)  
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND  
Tổng số cổ phần: 11.291.459 cổ phần

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	30/09/2022		01/10/2021	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	57.586.340.000	51,00	57.586.340.000	51,00
Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh	22.597.080.000	20,01	22.597.080.000	20,01
Các cổ đông khác	32.731.170.000	28,99	32.731.170.000	28,99
	<b>112.914.590.000</b>	<b>100,00</b>	<b>112.914.590.000</b>	<b>100,00</b>

**5.22.3 Cổ phiếu**

	30/09/2022	01/10/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.291.459	11.291.459
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	11.291.459	11.291.459
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	(56.640)	(56.640)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	11.234.819	11.234.819
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

**5.22.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2020-2021 và tạm trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2021-2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020-2021 số 12/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, chi tiết như sau:

	VND
Phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2020-2021:	
• Cổ tức cho các cổ đông	20.222.674.200
Tạm trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2021-2022:	
• Tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.027.100.520

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
 146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

**5.23 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**5.23.1 Tài sản thuê ngoài**

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	VND
Dưới 1 năm	10.987.891.235
Trên 1 năm đến dưới 5 năm	8.617.477.000
Trên 5 năm	8.417.070.263
	<b>28.022.438.498</b>

**5.23.2 Hàng hóa nhận giữ hộ**

	30/09/2022 Số lượng (lít)	01/10/2021 Số lượng (lít)
Dầu DO 0,05S	46.531	55.931
Xăng RON 95 - III	194.487	168.506
Xăng E5 Ron 92 - II	18.317	34.575

**5.23.3 Nợ khó đòi đã xử lý**

	30/09/2022 VND	01/10/2021 VND
Công ty cổ phần Đầu tư Nhật Nam Á	331.400.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Tây Phương	6.000.000	-
	<b>337.400.000</b>	<b>-</b>

Lý do xóa nợ: nợ không có khả năng thu hồi.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu**

**6.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.436.371.911.398	684.581.047.127
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.779.953.434	17.004.498.749
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.455.151.864.832</b>	<b>701.585.545.876</b>
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>		
Chiết khấu thương mại	(58.072.453)	(69.392.548)
<b>Tổng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(58.072.453)</b>	<b>(69.392.548)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.455.093.792.379</b>	<b>701.516.153.328</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
 146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

6.1.2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
	Công ty cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	296.031.026	161.614.471
	Công ty cổ phần Dầu nhờn S.T.S	52.749.227	25.094.717
6.2	Giá vốn hàng bán	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
	Giá vốn hàng hóa	1.369.623.539.392	614.993.343.822
	Giá vốn dịch vụ	998.907.348	998.907.348
		<b>1.370.622.446.740</b>	<b>615.992.251.170</b>
6.3	Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
	Lãi tiền gửi	4.221.440.549	4.574.845.673
		<b>4.221.440.549</b>	<b>4.574.845.673</b>
6.4	Chi phí tài chính	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
	Chi phí lãi vay	1.757.818.434	1.847.413.943
	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	55.480.000	(67.160.000)
		<b>1.813.298.434</b>	<b>1.780.253.943</b>
6.5	Chi phí bán hàng	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
	Chi phí nhân viên	19.568.761.385	19.783.435.272
	Chi phí thuê đất	10.154.221.870	10.235.713.942
	Chi phí vận chuyển	7.708.012.845	6.135.150.000
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.713.847.159	3.837.043.675
	Chi phí khác	8.051.062.652	6.736.534.744
		<b>49.195.905.911</b>	<b>46.727.877.633</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
 146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Chi phí nhân viên	5.122.918.916	5.243.264.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.426.411.347	3.449.934.082
Dự phòng rủi ro thiệt hại môi trường	210.480.027	1.429.387.765
Chi phí khác	3.548.952.510	2.774.896.699
	<b>12.308.762.800</b>	<b>12.897.483.537</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Thu bồi thường giải phóng mặt bằng	295.500.000	-
Thu nhập khác	36.583.965	51.388.929
	<b>332.083.965</b>	<b>51.388.929</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định	136.692.686	42.048.620
Phạt vi phạm hành chính	39.710.866	106.717.245
Chi phí khác	233	8.000.483
	<b>176.403.785</b>	<b>156.766.348</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại**

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(462.789.172)	(462.789.173)
	<b>(462.789.172)</b>	<b>(462.789.173)</b>

**6.10 Lãi trên cổ phiếu**

**6.10.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.271.005.204	22.677.773.818
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(2.027.100.520)	(2.267.777.382)
<b>Lợi nhuận tinh lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>18.243.904.684</b>	<b>20.409.996.436</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.234.819	11.234.819
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.624</b>	<b>1.817</b>

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.234.819	11.234.819
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>11.234.819</b>	<b>11.234.819</b>

**6.10.2 Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Chi phí nhân công	24.691.680.301	25.026.700.263
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.139.165.854	8.285.885.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.710.716.571	19.989.260.839
Chi phí khác	6.962.013.333	7.322.422.311
	<b>62.503.576.059</b>	<b>60.624.268.518</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	594.010.151.200	687.911.430.440
	<b>594.010.151.200</b>	<b>687.911.430.440</b>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	621.258.477.680	716.896.615.078
	<b>621.258.477.680</b>	<b>716.896.615.078</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

### 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm có: rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

### *Rủi ro tín dụng (tiếp theo)*

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

### *iii. Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 9 năm 2022</b>			
Phải trả người bán	5.175.134.097	-	5.175.134.097
Chi phí phải trả và phải trả khác	12.703.474.014	5.564.024.100	18.267.498.114
	<b>17.878.608.111</b>	<b>5.564.024.100</b>	<b>23.442.632.211</b>
<b>Ngày 30 tháng 9 năm 2021</b>			
Các khoản vay và nợ	27.248.326.480	-	27.248.326.480
Phải trả người bán	2.283.081.707	-	2.283.081.707
Chi phí phải trả và phải trả khác	10.502.644.230	5.392.614.100	15.895.258.330
	<b>40.034.052.417</b>	<b>5.392.614.100</b>	<b>45.426.666.517</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

#### *Tài sản đảm bảo*

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 6.610.719.700 VND và tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 là 6.044.509.700 VND.

**iv. Giá trị hợp lý**

*So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ*

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Giá trị ghi sổ Ngày 30 tháng 9 năm 2021 VND	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Giá trị hợp lý Ngày 30 tháng 9 năm 2021 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	10.131.409.028	6.422.956.944	10.131.409.028	6.422.956.944
<i>Các khoản phải thu khác</i>	602.493.151	109.400.001	602.493.151	109.400.001
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	6.369.720.000	6.425.200.000	6.369.720.000	6.425.200.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	87.319.518.282	94.148.098.794	87.319.518.282	94.148.098.794
<b>Tổng cộng</b>	<b>104.423.140.461</b>	<b>107.105.655.739</b>	<b>104.423.140.461</b>	<b>107.105.655.739</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Vay và nợ</i>	-	27.248.326.480	-	27.248.326.480
<i>Phải trả người bán</i>	5.175.134.097	2.283.081.707	5.175.134.097	2.283.081.707
<i>Chi phí phải trả và phải trả khác</i>	18.267.498.114	15.895.258.330	18.267.498.114	15.895.258.330
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.442.632.211</b>	<b>45.426.666.517</b>	<b>23.442.632.211</b>	<b>45.426.666.517</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Thù lao của Hội đồng quản trị		
• Ông Lê Trọng Hiếu	204.000.000	240.000.000
• Ông Phan Ngọc Hùng	156.060.000	183.600.000
• Ông Bùi Ngọc Thạch Anh	122.400.000	144.000.000
• Ông Phạm Trần Hiền	122.400.000	144.000.000
• Ông Nguyễn Văn Khoa	122.400.000	144.000.000
	<b>727.260.000</b>	<b>855.600.000</b>
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng		
• Ông Trịnh Bá Bộ	810.449.890	470.723.815
• Ông Phan Ngọc Hùng	-	331.856.056
• Bà Bùi Hoài Châu	324.851.778	324.435.376
• Bà Phạm Thị Thu Nga	298.884.706	289.187.467
	<b>1.434.186.374</b>	<b>1.416.202.714</b>
	<b>2.161.446.374</b>	<b>2.271.802.714</b>

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*

	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Chia cổ tức	2.563.821.000	2.957.559.000
	<b>2.563.821.000</b>	<b>2.957.559.000</b>

*Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có số dư phải thu/ (phải trả) với các thành viên quản lý chủ chốt.

**9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Nội dung	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Công ty cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Bán hàng	296.031.026	161.614.471
	Mua hàng	1.352.224.555.453	604.857.145.462
	Chia cổ tức	10.365.541.200	12.668.994.800
Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh	Mua hàng	1.500.327.273	6.668.181.818
	Chia cổ tức	4.067.474.400	4.971.357.600

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN  
 146E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 VND
Công ty cổ phần Dầu nhờn S.T.S	Bán hàng Mua hàng	52.749.227 5.993.057.036	25.094.717 6.974.861.644

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/09/2022 VND	01/10/2021 VND
Công ty cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Phải thu thương mại Phải trả thương mại	24.810.940 (2.359.045.000)	21.470.290 (2.006.350.000)
Công ty cổ phần Dầu nhờn S.T.S	Phải thu thương mại Phải trả thương mại	4.694.700 (689.440.000)	6.066.380 -

## 9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh xăng, dầu, nhớt, và
- Cho thuê mặt bằng và dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty trong năm như sau:

	Kinh doanh xăng, dầu, nhớt VND	Cho thuê mặt bằng và dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	1.436.313.838.945	18.779.953.434	1.455.093.792.379
Giá vốn hàng bán	1.369.623.539.392	998.907.348	1.370.622.446.740
Lợi nhuận gộp	66.690.299.553	17.781.046.086	84.471.345.639

## 9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.



**TRẦN THỊ NGỌC TÚ**  
Người lập biểu



**PHẠM THỊ THU NGÀ**  
Kế toán trưởng



**TRỊNH BÁ BỘ**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2022